



## THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

### TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

(Giấy chứng nhận số 0102409426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/10/2007 và cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 21/08/2018)

#### TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



#### TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL

**Địa chỉ:** Tầng 39-40, Tòa nhà Keangnam Landmark, Lô E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**Điện thoại:** (84-24) 6262 6868      **Fax:** (84-24) 6256 8686

**Website:** [www.viettelglobal.vn](http://www.viettelglobal.vn)

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÍNH



#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

**Địa chỉ:** Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

**Điện thoại:** (84-24) 3972 4568      **Fax:** (84-24) 3972 4600

**Website:** [www.vndirect.com.vn](http://www.vndirect.com.vn)

#### TỔ CHỨC ĐỒNG TƯ VẤN



#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

**Địa chỉ:** Tầng 6, Số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

**Điện thoại:** (84-24) 3728 0921      **Fax:** (84-24) 3728 0920

**Website:** [www.tvsi.com.vn](http://www.tvsi.com.vn)

#### Phụ trách công bố thông tin

Ông: Đàm Minh Toàn

Chức vụ: Thư ký Tổng Công ty kiêm Phó trưởng Phòng Pháp chế

Số điện thoại: 0985100109



## MỤC LỤC

<b>CÁC KHÁI NIỆM TỪ VIẾT TẮT .....</b>	<b>4</b>
<b>NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT.....</b>	<b>5</b>
<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....</b>	<b>5</b>
<b>1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....</b>	<b>5</b>
1.1 Giới thiệu chung.....	5
1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	6
1.3 Lịch sử hình thành và phát triển .....	6
<b>2. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Tổng Công ty .....</b>	<b>11</b>
<b>3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Viettel Global .....</b>	<b>14</b>
3.1. Đại hội đồng cổ đông .....	16
3.2. Hội đồng Quản trị .....	16
3.3. Ban Kiểm soát.....	17
3.4. Ban Tổng Giám đốc .....	17
3.5. Các khối, phòng ban nghiệp vụ .....	18
<b>4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công; Cơ cấu cổ đông, Danh sách cổ đông sáng lập.....</b>	<b>18</b>
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 07/06/2018 .....	18
4.2. Cổ đông sáng lập.....	18
4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 07/06/2018.....	18
<b>5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổng công ty, những công ty mà Tổng công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổng công ty .....</b>	<b>19</b>
5.1. Công ty mẹ/nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối với Viettel Global .....	19
5.2. Công ty con do Viettel Global nắm giữ cổ phần chi phối .....	19
5.3. Công ty liên doanh, liên kết .....	24
5.4. Các thương hiệu mà Viettel đang quản lý .....	25
<b>6. Hoạt động kinh doanh .....</b>	<b>29</b>
<b>7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hai năm gần nhất .....</b>	<b>35</b>
<b>8. Các giải pháp quản trị rủi ro của Viettel Global .....</b>	<b>37</b>
<b>9. Vị thế của Viettel Global so với các công ty khác trong cùng ngành:.....</b>	<b>40</b>



9.1.	Vị thế của Viettel Global trong ngành.....	40
9.2.	Triển vọng phát triển của ngành .....	40
9.3.	Đánh giá về sự phù hợp trong định hướng phát triển của Viettel Global so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:.....	41
<b>10.</b>	<b>Chính sách đối với người lao động .....</b>	<b>42</b>
10.1.	Số lượng người lao động trong Tổng công ty .....	42
10.2.	Chính sách với người lao động.....	42
<b>11.</b>	<b>Chính sách cổ tức:.....</b>	<b>45</b>
<b>12.</b>	<b>Tình hình tài chính: .....</b>	<b>46</b>
12.1.	Trích khấu hao TSCĐ.....	46
12.2.	Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn .....	46
12.3.	Các khoản phải nộp theo luật định.....	46
12.4.	Trích lập các quỹ theo luật định .....	46
12.5.	Vay và nợ thuê tài chính của Tổng Công ty.....	47
12.6.	Tình hình công nợ .....	47
12.7.	Đầu tư tài chính ngắn và dài hạn .....	49
12.8.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng Công ty.....	49
<b>13.</b>	<b>Tài sản .....</b>	<b>50</b>
<b>14.</b>	<b>Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....</b>	<b>51</b>
<b>15.</b>	<b>Thông tin bổ sung về những cam kết của Tổng công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất...)</b> .....	<b>54</b>
<b>16.</b>	<b>Chiến lược định hướng phát triển kinh doanh của Tổng công ty: .....</b>	<b>54</b>
<b>II.</b>	<b>QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY:.....</b>	<b>58</b>
<b>1.</b>	<b>Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Kế toán trưởng.....</b>	<b>58</b>
<b>2.</b>	<b>Kế hoạch tăng cường quản trị Tổng công ty .....</b>	<b>76</b>



## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công ty tại ngày 07/06/2018.....	18
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 07/06/2018.....	18
Bảng 3: Số liệu thuê bao và thị phần trên từng thị trường năm 2017.....	30
Bảng 4: Số liệu vùng phủ thoại và vùng phủ data trên từng thị trường năm 2017.....	32
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của Viettel Global theo khu vực địa lý.....	33
Bảng 6: Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ 2016-2017 và Quý I/2018.....	35
Bảng 7: Số lượng lao động tại ngày 30/06/2018.....	42
Bảng 8. Tình hình chi trả cổ tức các năm gần nhất.....	45
Bảng 9. Thuế và các khoản khác phải nộp Ngân sách Nhà nước Hợp nhất.....	46
Bảng 10. Số dư các Quỹ Hợp nhất.....	46
Bảng 11. Vay và nợ thuê tài chính Hợp nhất.....	47
Bảng 12. Tình hình Công nợ phải thu Hợp nhất.....	47
Bảng 13. Tình hình Công nợ phải trả.....	48
Bảng 14. Đầu tư tài chính ngắn và dài hạn.....	49
Bảng 15. Chỉ tiêu tài chính.....	49
Bảng 16. Cơ cấu tài sản tại ngày 31/12/2017.....	50
Bảng 17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.....	51

## **DANH MỤC HÌNH ẢNH**

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Viettel Global.....	15
Hình 2: Các mạng viễn thông của Viettel Global trên thế giới.....	19
Hình 3: Doanh thu toàn cầu từ các dịch vụ viễn thông.....	40
Hình 4: Tăng trưởng số lượng thuê bao đăng ký giai đoạn 2016-2020.....	41
Hình 5: Tỷ lệ sử dụng 4G theo khu vực giai đoạn 2017-2025.....	41



### **CÁC KHÁI NIỆM TỪ VIẾT TẮT**

<b>Viettel Global/Tổng Công ty</b>	:	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel
<b>UBND</b>	:	Ủy ban nhân dân
<b>ĐKDN</b>	:	Đăng ký doanh nghiệp
<b>ĐHĐCĐ</b>	:	Đại hội đồng cổ đông
<b>HDQT</b>	:	Hội đồng quản trị
<b>BKS</b>	:	Ban kiểm soát
<b>CBNV</b>	:	Cán bộ nhân viên
<b>CN</b>	:	Chi nhánh
<b>CNTT</b>	:	Công nghệ thông tin
<b>TNDN</b>	:	Thu nhập doanh nghiệp
<b>GTGT</b>	:	Giá trị gia tăng
<b>BCTC</b>	:	Báo cáo tài chính
<b>VĐL</b>	:	Vốn điều lệ
<b>DTT</b>	:	Doanh thu thuần
<b>NĐTNN</b>	:	Nhà đầu tư nước ngoài

Những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản luật hướng dẫn.




---

## **NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT**

### **TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

#### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

##### **1.1 Giới thiệu chung**

Tên Công ty	:	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL
Tên giao dịch quốc tế	:	VIETTEL GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	VIETTEL GLOBAL., JSC
Trụ sở chính	:	Tầng 39-40, Tòa nhà Keangnam Landmark, Lô E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Điện thoại	:	84-4-62626868
Fax	:	Fax: 84-4-62568686
Website	:	www.viettelglobal.vn
Logo	:	
Giấy chứng nhận ĐKDN số	:	0102409426 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/10/2007 và cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 21/08/2018
Người đại diện theo pháp luật	:	Đỗ Mạnh Hùng – Chức vụ: Tổng Giám đốc
Vốn điều lệ đăng ký	:	22.438.112.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	:	22.438.112.000.000 đồng
Năm trở thành công ty đại chúng	:	16/10/2009

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Hoạt động viễn thông khác

Chi tiết: Các dịch vụ viễn thông; Phát triển các sản phẩm phần mềm trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, internet.



- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng  
Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa và mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông  
Chi tiết: Mua bán thiết bị điện, điện tử viễn thông, công nghệ thông tin và thiết bị thu phát vô tuyến điện.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác  
Chi tiết: Xây dựng công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, truyền tải điện.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  
Chi tiết: Khảo sát, lập dự án công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (trừ khảo sát thiết kế công trình); Dịch vụ quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).
- Bưu chính.

## **1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch**

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: VGI
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 2.243.811.200 (*Hai tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu tám trăm mười một nghìn hai trăm*) cổ phiếu
- Tổng số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.
- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Tổng Công ty tuân theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Tổng Công ty tại ngày 07/06/2018 là 2.636.200 cổ phần, tương ứng với 0,12% vốn điều lệ.

## **1.3 Lịch sử hình thành và phát triển**

Viettel Global thành lập tháng 10/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102409426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/10/2007, trong đó Tập đoàn Viettel chiếm 51%. Mục tiêu kinh doanh chính của Viettel Global là đầu tư vào các dự án viễn thông tại thị trường nước ngoài, mở rộng phạm vi hoạt động; nâng cao năng lực cạnh tranh; mở rộng quy mô thị trường chuẩn bị cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất.

Sau hơn 10 năm hoạt động, vốn điều lệ của Viettel Global tăng từ 960 tỷ lên 22,44 nghìn tỷ đồng, doanh thu tăng hơn 500 lần; lợi nhuận tăng hơn 300 lần; vốn chủ sở hữu tăng 45 lần; lợi nhuận/vốn chủ sở hữu đạt 7%; quy mô thị trường đạt 210 triệu người (gấp 2,2 lần so với dân số Việt Nam).

Viettel Global là nhà đầu tư viễn thông quốc tế lớn nhất Việt Nam, nằm trong top 30 công ty viễn thông có số lượng khách hàng lớn nhất thế giới.

Viettel Global đã đưa vào kinh doanh 9 công ty viễn thông tại 9 quốc gia trên khắp châu Á, châu Phi và châu Mỹ La-tinh với tổng doanh thu năm 2017 là 19,02 nghìn tỷ đồng.

Viettel Global đã chứng minh năng lực của mình thông qua thành công của các công ty con: 7/9 thị trường đã có lãi, 2 thị trường còn lại mới đầu tư là Tanzania và Myanmar có tiềm năng phát triển lớn. Tính đến hết năm 2017, Viettel Global đang phục vụ gần 40 triệu khách hàng quốc tế sử dụng dịch vụ di động, internet băng rộng, điện thoại cố định và không dây, giữ vững vị trí số 1 về thị phần tại 5/9 quốc gia đang đầu tư là: Campuchia, Lào, Đông Timor, Mozambique, Burundi.

Các mốc phát triển của Viettel Global trong thời gian qua:

### Năm 2008



- **Tháng 01/2008** Viettel Global nhận Giấy phép đầu tư tại Campuchia
- **Tháng 02/2008** Công ty Star Telecom – liên doanh giữa Viettel và công ty Lao Asia Telecom được thành lập, trở thành nhà cung cấp dịch vụ viễn thông thứ tư tại Lào.

- **Tháng 02/2009:** Khai trương mạng viễn thông tại Campuchia với thương hiệu Metfone, thương hiệu đầu tiên của Viettel được “xuất khẩu” ra nước ngoài. Metfone là doanh nghiệp đầu tiên tại Campuchia cung cấp đa dịch vụ viễn thông với quy mô hạ tầng mạng lưới và vùng phủ lớn nhất.

- **Tháng 10/2009:** Khai trương mạng viễn thông tại Lào với thương hiệu Unitel. Tại thời điểm khai trương,

### Năm 2009





Unitel là nhà cung cấp dịch vụ viễn thông có quy mô hạ tầng mạng lưới và vùng phủ lớn nhất tại Lào.

### Năm 2010



- **Tháng 04/2010:** Unitel chính thức cung cấp dịch vụ ADSL trên phạm vi toàn quốc và nhanh chóng tạo ra sự bùng nổ về Internet tốc độ cao.
- **Tháng 04/2010:** Nhận được giấy phép viễn thông tại Haiti thông qua Công ty Natcom S.A.
- **Tháng 07/2010:** Metfone là nhà mạng đầu tiên tại Campuchia tuyên bố khai trương cung cấp dịch vụ 3G.
- **Tháng 10/2010:** Unitel chính thức khai trương cung cấp dịch vụ 3G tại 17 tỉnh trên toàn quốc với thông điệp “Faster – Brighter”.
- **Tháng 11/2010:** Thành lập công ty liên doanh Movitel S.A tại Mozambique, bước chân đầu tiên vào thị trường châu Phi.

- **Tháng 01/2011:** Nhận giấy phép di động tại Mozambique.
- **Tháng 09/2011:** Khai trương mạng viễn thông Natcom tại Haiti với hạ tầng mạng lưới và vùng phủ lớn nhất, hiện đại nhất; là công ty cung cấp đa dịch vụ viễn thông tại Haiti.
- **Năm 2011:** Metfone và Unitel trở thành nhà mạng dẫn đầu tại Campuchia và Lào với lần lượt 46% và 44% thị phần di động.

### Năm 2011



- **Tháng 07/2012:** Nhận giấy phép đầu tư tại Đông Timor.
- **Tháng 5/2012:** Khai trương mạng viễn thông tại Mozambique với tên thương hiệu Movitel.
- **Tháng 12/2012:** Nhận giấy phép đầu

### Năm 2012



tur tại Cameroon.

- **Tháng 07/2013:** Chính thức kinh doanh bán hàng tại thị trường Đông Timor với tên thương hiệu Telemor.
- **Tháng 10/2013:** Chính thức đổi tên từ Công ty thành Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel, tên viết tắt là VIETTEL GLOBAL.
- **Tháng 12/2013:** Nhận giấy phép viễn thông tại Burundi.
- **Kết thúc năm 2013:** Doanh thu từ hoạt động nước ngoài đạt gần 1 tỷ USD.

### Năm 2013



### Năm 2014



- **Tháng 06/2014:** Movitel vươn lên vị trí số 1 tại Mozambique về thị phần di động – chiếm 38%.
- **Tháng 09/2014:** Bắt đầu cung cấp dịch vụ viễn thông tại Cameroon với tên thương hiệu Nexttel, là nhà mạng đầu tiên tại Cameroon cung cấp dịch vụ 3G.
- **Tháng 10/2014:** Telemor vươn lên trở thành nhà mạng lớn nhất tại Đông Timor chỉ sau 1 năm kinh doanh, với 420.000 khách hàng, độ phủ 95% dân số.
- **Tháng 10/2014:** Nhận giấy phép viễn thông tại Tanzania.

### Năm 2015

- **Tháng 03/2015:** Bắt đầu cung cấp dịch vụ thử nghiệm tại Burundi với tên thương hiệu Lumitel.
- **Tháng 06/2015:** Cung cấp dịch vụ 4G tại thị trường Lào
- **Tháng 10/2015:** Khai trương mạng viễn thông Halotel tại Tanzania.



### Năm 2016



- **Tháng 10/2016:** Cán mốc 35 triệu khách hàng tại các thị trường nước ngoài, nâng tổng số khách hàng toàn cầu của Viettel lên 100 triệu, giúp Viettel lọt Top 30 tập đoàn viễn thông có số lượng khách hàng lớn nhất thế giới.
- **Tháng 12/2016:** Cung cấp dịch vụ ví điện tử trên phạm vi 6/8 thị trường với các tên gọi eMoney (Campuchia), E-Mola (Mozambique), Lajan Cash (Haiti), Halopesa (Tanzania), Lumicash (Burundi), Possa (Cameroon).
- **Năm 2016:** Cung cấp dịch vụ 4G tại các thị trường Lào, Burundi, Campuchia, Haiti và Peru, tiếp tục giữ vững thế tiên phong về công nghệ.

- **Tháng 01/2017:** Nhận giấy phép đầu tư tại Myanmar. Đây là thị trường nước ngoài thứ 9 và cũng là thị trường có quy mô và tiềm năng nhất của Viettel Global từ trước tới nay.
- **Tháng 01/2017:** Triển khai gói cước Roaming 3 nước Đông Dương - bước đi tiên phong, đột phá của Viettel với chính sách viễn thông không biên giới.
- **Tháng 07/2017:** Telemor trở thành nhà mạng đầu tiên tại Đông Timor cung cấp 4G.

### Năm 2017



**Năm 2018**



➤ **Tháng 06/2018:** Khai trương mạng viễn thông Mytel tại Myanmar.

Hiện nay Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102409426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/10/2007 và cấp thay đổi lần thứ 20 ngày 21/08/2018 với vốn điều lệ là 22.438.112.000.000 đồng.

**2. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Tổng Công ty**

Đơn vị: Tỷ đồng

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
	Năm 2007		960	Thành lập Tổng công ty	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102409426 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/10/2007
1	Năm 2009	2.040	3.000	Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược là Tập đoàn Viễn thông Quân đội. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 206/NQ-ĐHĐCĐ-ĐTQT ngày 08/04/2009; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102409426 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 3 ngày 16/04/2009.
2	Năm 2011	3.219	6.219	Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược gồm:	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 11/NQ-ĐHĐCĐ-VG ngày 07/03/2011



Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đoàn Viễn thông Quân đội;</li> <li>- CTCP Phát triển Đông Dương Xanh;</li> <li>- Ông Dương Văn Toàn</li> </ul> <p>Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT số 08/NQ-HĐQT-VG ngày 07/03/2011;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102409426 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 9 ngày 12/03/2012</li> </ul>
3	Năm 2013	6.219	12.438	<p>Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược là Tập đoàn Viễn thông Quân đội. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/08/2013;</li> <li>- Công văn số 5527/UBCK-QLPH ngày 30/08/2013 của UBCKNN v/v nhận được đầy đủ Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ;</li> <li>- Công văn số 1963/VTG-PC ngày 31/12/2013 của Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel v/v Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102409426 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi</li> </ul>



Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					lần 15 ngày 16/05/2014
4	Năm 2015	2.000	14.438	Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược là Tập đoàn Viễn thông Quân đội. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2015;</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 15/NQ-VTG-PC ngày 11/05/2015 và Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ số 16/HĐQT-VTG-PC ngày 11/05/2015;</li> <li>- Công văn số 2720/UBCKNN-QLPH ngày 29/05/2015 của UBCKNN v/v chào bán cổ phiếu riêng lẻ;</li> <li>- Công văn số 4825/UBCK-QLCB ngày 22/07/2016 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102409426 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 17 ngày 17/12/2014</li> </ul>
5	Năm 2016	8.000	22.438	Chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược là Tập đoàn Viễn thông Quân đội. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016;</li> <li>- Công văn số</li> </ul>



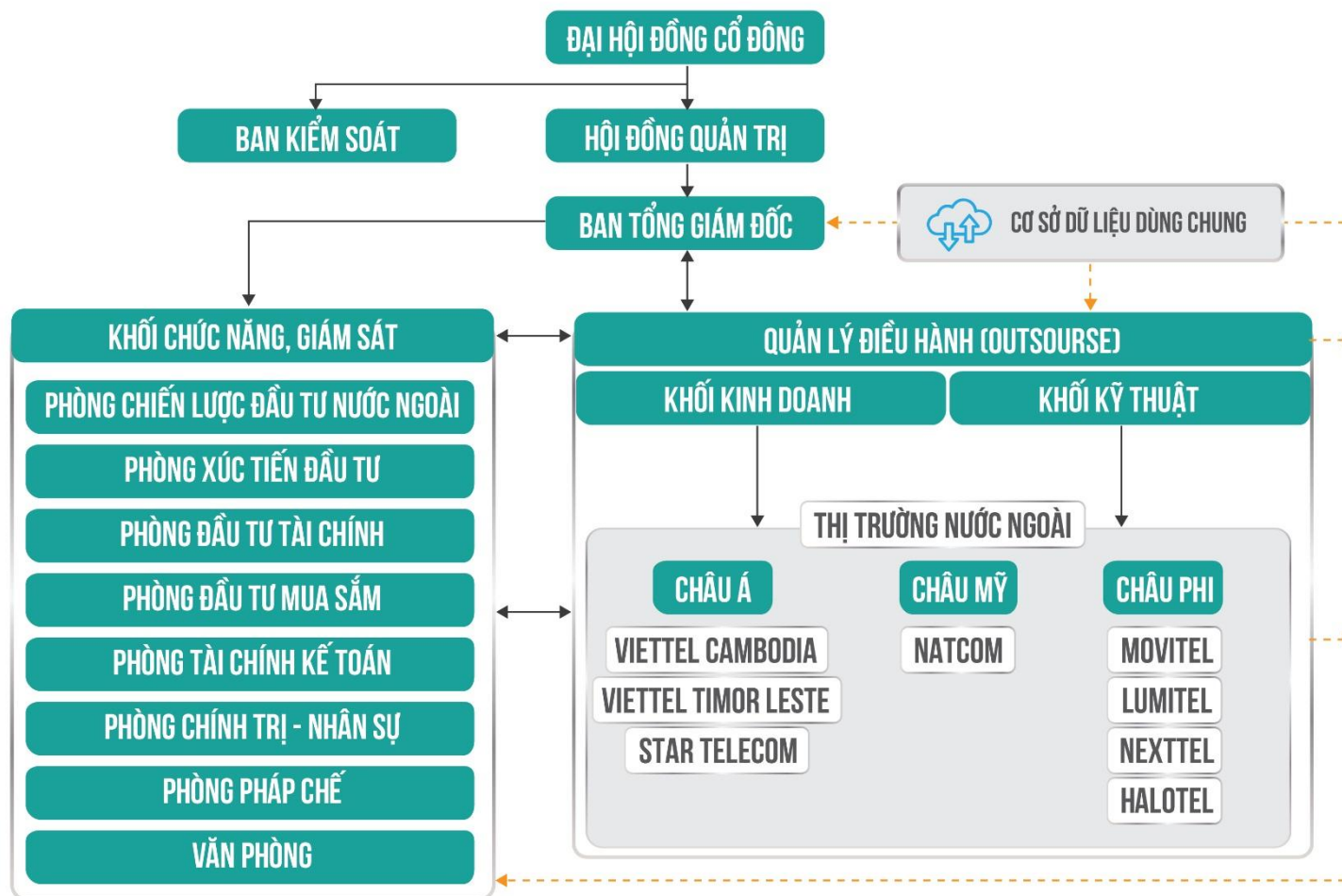
Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				phần	<p>7025/UBCKNN-QLCB ngày 18/10/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v hồ sơ chào bán cổ phiếu riêng lẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 8389/UBCK-QLCB ngày 19/12/2016 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ;</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102409426 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 19 ngày 05/12/2017.</li> </ul>

(Nguồn: Viettel Global)

Tại thời điểm ngày 07/06/2018, vốn thực góp của các cổ đông tại Viettel Global là 22.438.112.000.000 đồng.

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Viettel Global

Hình 1: Cơ cấu bộ máy quản lý của Viettel Global



(Nguồn: Viettel Global)



### **3.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Tổng công ty theo Pháp luật và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các cổ đông (hoặc đại diện của cổ đông) có quyền biểu quyết của Tổng công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành hoạt động của Tổng công ty. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường quyết định các vấn đề quan trọng nhất của Tổng công ty như:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Quyết định tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; Quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

### **3.2. Hội đồng Quản trị**

HĐQT được bầu bởi Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty, là cơ quan quản lý có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty mà không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT của Tổng Công ty Viettel Global gồm 7 thành viên và có các quyền hạn, trách nhiệm cơ bản sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty bao gồm quy chế quản lý tài chính, quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế quản lý quỹ khen thưởng phúc lợi, quy chế lương, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định bởi Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn và các nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Các thành viên Hội đồng Quản trị hiện nay của Viettel Global bao gồm:

<b>Ông Lê Đăng Dũng</b>	Chủ tịch Hội đồng quản trị
<b>Ông Hoàng Sơn</b>	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
<b>Ông Nguyễn Thanh Nam</b>	Thành viên Hội đồng quản trị
<b>Ông Tào Đức Thắng</b>	Thành viên Hội đồng quản trị
<b>Bà Đào Thúy Hương</b>	Thành viên Hội đồng quản trị
<b>Ông Phan Thanh Sang</b>	Thành viên Hội đồng quản trị
<b>Ông Hoàng Văn Ngọc</b>	Thành viên Hội đồng quản trị

### **3.3. Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tổng Công ty và hiện có 3 thành viên, mỗi thành viên được bầu với nhiệm kỳ 5 năm.

Trách nhiệm chính của Ban Kiểm soát

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty;
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ Tổng Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên Ban Kiểm soát hiện nay của Viettel Global bao gồm:

<b>Ông Phạm Hoàng Điệp</b>	Trưởng Ban Kiểm soát
<b>Bà Quãn Thị Thu Hà</b>	Thành viên Ban Kiểm soát
<b>Ông Lê Quang Tiệp</b>	Thành viên Ban Kiểm soát

### **3.4. Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc chuyên môn.

Ông <b>Đỗ Mạnh Hùng</b>	Tổng Giám đốc
Ông <b>Nguyễn Cao Lợi</b>	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông <b>Nguyễn Thanh Nam</b>	Phó Tổng Giám đốc
Ông <b>Nguyễn Đức Quang</b>	Phó Tổng Giám đốc

### 3.5. Các khối, phòng ban nghiệp vụ

Hoạt động theo chỉ đạo và phân công công việc của Ban Tổng Giám đốc công ty

## 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công; Cơ cấu cổ đông, Danh sách cổ đông sáng lập

### 4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 07/06/2018

**Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công ty tại ngày 07/06/2018**

STT	Tên cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Người đại diện theo pháp luật
1	Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội	GCN ĐKDN số 0100109106 do Sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/07/2010 và thay đổi lần 9 ngày 25/01/2018	2.214.205.300	98,68%	Ông Lê Đăng Dũng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.214.205.300</b>	<b>98,68%</b>	

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 07/06/2018 của Viettel Global)

### 4.2. Cổ đông sáng lập

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

### 4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 07/06/2018

**Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 07/06/2018**

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>6.241</b>	<b>2.241.175.000</b>	<b>22.411.750.000.000</b>	<b>99,88%</b>
1	Tổ chức	3	2.214.623.278	22.146.232.780.000	98,70%
2	Cá nhân	6.238	26.551.722	265.517.220.000	1,18%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>107</b>	<b>2.636.200</b>	<b>26.362.000.000</b>	<b>0,12%</b>
1	Tổ chức	0	0	0	0,00%
2	Cá nhân	107	2.636.200	26.362.000.000	0,12%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.348</b>	<b>2.243.811.200</b>	<b>22.438.112.000.000</b>	<b>100 %</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 07/06/2018 của Viettel Global)

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổng công ty, những công ty mà Tổng công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổng công ty**

**5.1. Công ty mẹ/nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối với Viettel Global**

**Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội**



Hãy nói theo cách của bạn

**Địa chỉ:** Số 1 đường Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

**Điện thoại:** (84-24) 6255 678

**Fax:** (84-24) 6299 6789

**Vốn điều lệ đăng ký:** 121.520.000.000.000 đồng

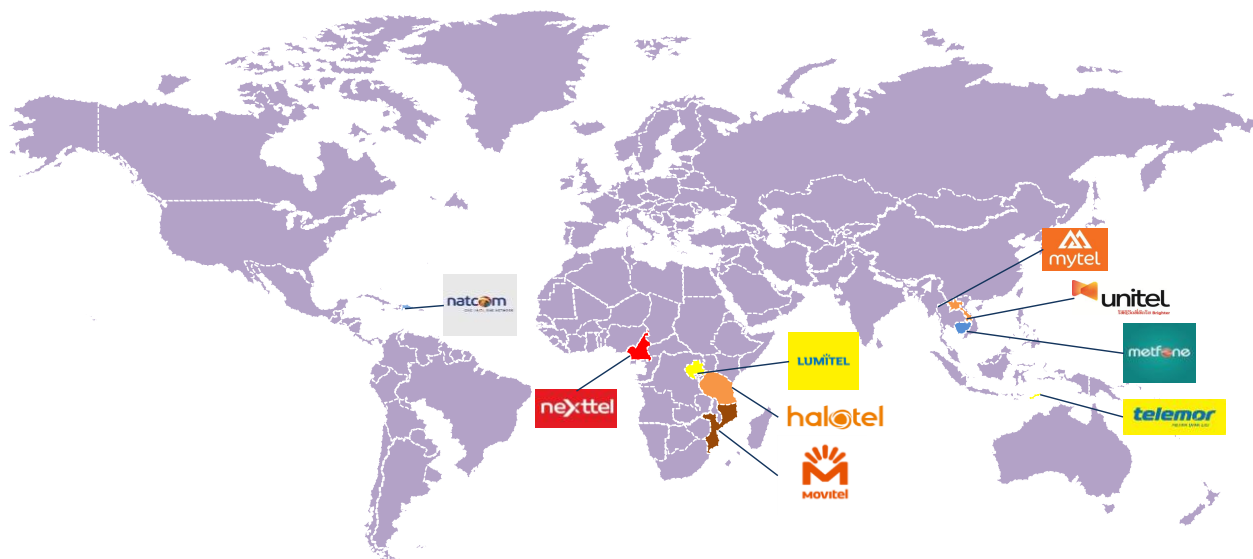
**Vốn điều lệ thực góp:** 121.520.000.000.000 đồng

**Ngành nghề kinh doanh chính:** Viễn thông, bưu chính, chuyên phát...

**Tỷ lệ nắm giữ tại Viettel Global:** 98,68%/vốn điều lệ

**5.2. Công ty con do Viettel Global nắm giữ cổ phần chi phối**

**Hình 2: Các mạng viễn thông của Viettel Global trên thế giới**



Thông tin về công ty con của Viettel Global:

❖ **Công ty TNHH Viettel Overseas**

- Địa chỉ : Tầng 39, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Điện thoại : +842462626868
- Fax : +842462568686
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104429146
- Vốn điều lệ đăng ký : 25 triệu USD
- Vốn điều lệ thực góp : 25 triệu USD
- Ngành nghề kinh doanh chính : Đầu tư và vận hành một mạng viễn thông tại thị trường Haiti thông qua việc thành lập công ty con Natcom (National Telecom S.A).
- Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Global : 100%/vốn điều lệ

❖ **Công ty Viettel Timor Leste, UNIP., LDA**

- Địa chỉ : CBD Plaza II – Rua Presidente – Nicolau Lobato – Comoro, Dili, Timor Leste
- Điện thoại : +670 76900005
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 945/2012
- Vốn điều lệ đăng ký : 500.000 USD
- Vốn điều lệ thực góp : 500.000 USD



- Ngành nghề kinh doanh : Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Telemor tại thị trường Đông Timor
- Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Global : 100%/vốn điều lệ

❖ **Công ty TNHH Viettel Cambodia**

- Địa chỉ : 199 Mao Tse Tung Blvd (đường 245), Sangkat Toul Svay Prey 2, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia
- Điện thoại : +855 979 097 097
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số Inv. 1206 E/2007
- Vốn điều lệ đăng ký : 44,88 triệu USD
- Vốn điều lệ thực góp : 44,88 triệu USD
- Ngành nghề kinh doanh chính : Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Metfone tại thị trường Campuchia
- Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Global : 90%/vốn điều lệ

❖ **Công ty TNHH Movitel**

- Địa chỉ : No 2586 Av.Ahmed Sekou Toure, Maputo, Mozambique
- Điện thoại : +258 860101003
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 100163578
- Vốn điều lệ đăng ký : 500.000 USD
- Vốn điều lệ thực góp : 500.000 USD
- Ngành nghề kinh doanh chính : Sở hữu và vận hành một mạng viễn thông tại thị trường Mozambique
- Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Global : 70%/vốn điều lệ

❖ **Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L**

- Địa chỉ : P.B 87 Yaounde, Cameroon
- Điện thoại : +237 666 000 789
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số

RC/YAO/2012/B/325

- Vốn điều lệ đăng ký : 40.000 USD
- Vốn điều lệ thực góp : 40.000 USD
- Ngành nghề kinh : Sở hữu và vận hành một mạng viễn thông tại thị trường Cameroon
- Tỷ lệ nắm giữ của : 70%/vốn điều lệ  
Viettel Global

❖ **Công ty TNHH Viettel Tanzania**

- Địa chỉ : 4<sup>th</sup> Floor, Tropical Center, New Bagamoyo Road, P.O Box 34716, Dar Es Salaam, Tanzania
- Điện thoại : +255 620 100 100
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52674
- Vốn điều lệ đăng ký : 156 tỷ TSH
- Vốn điều lệ thực góp : 8 tỷ TSH
- Ngành nghề kinh : Sở hữu và vận hành một mạng viễn thông tại thị trường Tanzania
- Tỷ lệ nắm giữ của : 99,99%/vốn điều lệ  
Viettel Global

❖ **Công ty Viettel Burundi S.A**

- Địa chỉ : No 51, Boulevard de l'UPRONA, Quartier Rohero II, Commune Rohero, Bujumbura-Mairie, Burundi
- Điện thoại : +257 31000009
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 02070
- Vốn điều lệ đăng ký : 5 triệu BIF
- Vốn điều lệ thực góp : 5 triệu BIF
- Ngành nghề kinh : Sở hữu và vận hành mạng viễn thông Lumitel tại thị trường Burundi
- Tỷ lệ nắm giữ của : 85%/vốn điều lệ  
Viettel Global

❖ **Công ty National Telecom S.A**

- Địa chỉ : Angle Ave. Martin Luther King et rue Fernand, Pont Morin, Post-au-Prince, Haiti

- Điện thoại : +509 22 22 8888
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1207032752
- Vốn điều lệ đăng ký : 99,89 triệu USD
- Vốn điều lệ thực góp : 98,33 triệu USD
- Ngành nghề kinh : Sở hữu và vận hành một mạng viễn thông tại thị trường Haiti
- Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Global : 60%/vốn điều lệ

❖ **Công ty M-Mola S.A**

- Địa chỉ : No 2586 Av.Ahmed Sekou Toure, Maputo, Mozambique
- Điện thoại : +258 860101003
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 100714310
- Vốn điều lệ đăng ký : 500.000 USD
- Vốn điều lệ thực góp : 500.000 USD
- Ngành nghề kinh : Kinh doanh dịch vụ ví điện tử doanh chính
- Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Global : 67%/vốn điều lệ

❖ **Công ty TNHH Viettel E-commerce**

- Địa chỉ : 4<sup>th</sup> Floor, Tropical Center, New Bagamoyo Road, P.O Box 34716, Dar Es Salaam, Tanzania
- Điện thoại : +255 620 100 100
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 124938
- Vốn điều lệ đăng ký : 225.000 USD
- Vốn điều lệ thực góp : 225.000 USD
- Ngành nghề kinh : Kinh doanh dịch vụ ví điện tử doanh chính
- Tỷ lệ nắm giữ của Viettel Global : 99,99%/vốn điều lệ



### 5.3. Công ty liên doanh, liên kết

#### ❖ Công ty TNHH Viễn Thông Star

- Địa chỉ : Nongbone road, Phonxay Village, Saysettha district, Vientiane Capital, Lao P.D.R
- Điện thoại : +856 21 900 769
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số  

01- 00006839	442 56	(G.J/4)
--------------	--------	---------
- Vốn điều lệ đăng ký : 59,47 triệu USD
- Vốn điều lệ thực góp : 59,47 triệu USD
- Ngành nghề kinh : Sở hữu và vận hành một mạng viễn thông tại thị trường Lào
- Tỷ lệ nắm giữ của : 44% ( tỷ lệ biểu quyết là 49%)  
Viettel Global

#### ❖ Công ty TNHH Metcom

- Địa chỉ : 199 Mao Tse Tung Blvd (đường 245), Sangkat Toul Svay Prey 2, Khan Chamkarmon, Phnom Penh, Vương quốc Campuchia
- Điện thoại : +855 979 097 097
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 00016339
- Vốn điều lệ đăng ký : 1.000 USD
- Vốn điều lệ thực góp : 1.000 USD
- Ngành nghề kinh : Hoạt động tại thị trường Campuchia doanh chính
- Tỷ lệ nắm giữ của : 44% (tỷ lệ biểu quyết là 49%)  
Viettel Global

#### Công ty TNHH Myanmar National Tele & Communications

- Địa chỉ : #61-63, Zoological Garden Rd, Dagon Township, Yangon, Myanmar
- Điện thoại : +95 9 45942 0762
- Giấy phép hoạt động : Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1235/2017
- Vốn điều lệ đăng ký : 345 triệu USD
- Vốn điều lệ thực góp : 345 triệu USD

- Ngành nghề kinh : Sở hữu và vận hành một mạng viễn thông tại thị trường Myanmar doanh chính
- Tỷ lệ nắm giữ của : 49%/vốn điều lệ Viettel Global

#### 5.4. Các thương hiệu mà Viettel đang quản lý

##### CAMPUCHIA



##### Ý nghĩa thương hiệu

Metfone được hình thành từ phiên âm tiếng Khmer “mette” - có nghĩa là “người bạn”. Bằng việc thêm vào từ tiếng Anh được sử dụng phổ biến về viễn thông “fone”, Viettel Global tạo ra một thương hiệu mang đậm nét Campuchia nhưng vẫn chứa đựng những giá trị hiện đại về viễn thông toàn cầu - Metfone. Tình bạn và nâng cao cuộc sống là 2 giá trị được người Campuchia rất coi trọng. Do vậy, mạng Metfone muốn trở thành mạng viễn thông đem đến cuộc sống tốt đẹp hơn cho người Campuchia, giống như những người bạn đối xử với nhau.

##### Thành tích, giải thưởng

- Khai trương 19/02/2009, nhà mạng số 1 từ năm 2011.
- Số 1 về thị phần: 9,05 triệu khách hàng, chiếm 46% thị phần
- Số 1 về hạ tầng: 10.000 trạm 2G/3G/4G, 24.000 km cáp quang, vùng phủ 97%
- Là nhà mạng đầu tiên khai trương dịch vụ ví điện tử eMoney, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Campuchia.
- Các giải thưởng quốc tế và cấp khu vực: (1) Top 100 thương hiệu viễn

##### LÀO



##### Ý nghĩa thương hiệu

Uni có nghĩa là United - Đoàn kết. Đây là giá trị mà người dân Lào rất coi trọng. Chính vì vậy, Unitel muốn trở thành mạng viễn thông kết nối người dân Lào, để cùng nhau đem đến cuộc sống tốt đẹp hơn.

##### Thành tích, giải thưởng

- Khai trương 16/10/2009, nhà mạng số 1 từ năm 2011.
- Số 1 về thị phần: 4,7 triệu khách hàng, chiếm 51% thị phần.
- Số 1 về hạ tầng: 5.000 trạm 2G/3G/4G, 30.000 km cáp quang, vùng phủ 95%
- Sau 9 năm kinh doanh, Unitel đạt 28.000 tỷ đồng doanh thu lũy kế, 11.000 tỷ đồng lợi nhuận lũy kế, trở thành liên doanh viễn thông lớn nhất về quy mô, về đóng góp cho xã hội và cho đất nước Lào.
- Các giải thưởng cấp khu vực và quốc tế:
  - (1) Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tốt nhất tại các quốc gia đang phát triển.
  - (2) Top 5 thương hiệu viễn thông hoạt động hiệu quả nhất ASEAN.
  - (3) Huân chương Anh hùng hạng Hai (2016) do Chính phủ Lào trao tặng.
  - (4) Huân chương Lao động hạng Hai (2016), Hạng Ba (2014) do Chính phủ Lào trao tặng.

thông giá trị nhất khu vực Đông Nam Á năm 2016.

(2) Giải thưởng Stevie Award “Chiến dịch Marketing của năm” (chương trình Color Race).

(3) Giải thưởng Stevie Award “Sản phẩm tốt nhất của năm” (sản phẩm eMoney).

(4) Giải thưởng Frost & Sullivan “Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tốt nhất”.

(5) Giải thưởng WCA “Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tốt nhất thế giới tại các nước đang phát triển”.

## HAITI



### Ý nghĩa thương hiệu

Natcom được cấu thành từ “National” và “Communication” - công ty viễn thông quốc gia. Điều này có nghĩa Natcom là biểu tượng của người dân Haiti. Natcom, với tư cách là công ty quốc gia, cung cấp những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất giúp người dân liên lạc gần gũi với nhau hơn, mang lại sự đoàn kết và thống nhất cho người dân.

### Thành tích, giải thưởng

- Khai trương 07/09/2011.
- Số 2 về thị phần: 3,38 triệu khách hàng, chiếm 35% thị phần.
- Số 1 về hạ tầng: 1.800 trạm 2G/3G/4G, 6.000 km cáp quang.
- Doanh nghiệp đầu tiên xây dựng mới hoàn toàn hạ tầng mạng cáp quang cho Haiti sau thảm họa động đất với chiều dài 4.681 km.
- Sau 7 năm kinh doanh, Natcom thực hiện chia cổ tức cho cổ đông với tổng số tiền trị giá 3 triệu USD và công bố 30 suất học bổng cho học sinh sinh viên

## MOZAMBIQUE



### Ý nghĩa thương hiệu

Movitel cấu thành từ “Movement” và “Telecom” - hàm ý tới một công ty viễn thông luôn vận động, tiến lên phía trước. Chỉ bằng cách luôn luôn sáng tạo, luôn luôn vận động thay đổi để thích ứng thì Movitel mới có thể cùng người dân Mozambique hướng về phía trước, vươn tới tương lai tươi sáng.

### Thành tích, giải thưởng

- Khai trương 15/05/2012, nhà mạng số 1 từ năm 2014.
- Số 1 về thị phần: 6,37 triệu khách hàng, chiếm 38% thị phần.
- Số 1 về hạ tầng: 3.400 trạm 2G/3G/4G, 33.000 km cáp quang, vùng phủ 95%.
- Movitel đã đưa Mozambique trở thành 1 trong 5 nước có mạng lưới cáp quang hiện đại và phủ sóng lớn nhất châu Phi.
- Năm 2017, Movitel có doanh thu từ lĩnh vực Khách hàng doanh nghiệp đạt 216 tỷ đồng, nổi bật nhất trong 10 thị trường nước ngoài Viettel Global đang đầu tư.
- Các giải thưởng cấp khu vực và quốc tế:

tài năng Haiti về Việt nam học tập.

➤ Các giải thưởng cấp quốc tế:

(1) Giải thưởng Stevie Award “Chương trình doanh nghiệp xã hội của năm”.

(2) Giải thưởng Speedtest Awards “Nhà mạng có tốc độ truy cập data nhanh nhất tại thị trường Haiti”.

(1) Giải thưởng Stevie Award “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất khu vực Trung Đông và Châu Phi”.

(2) Giải thưởng WCA “Nhà mạng có giải pháp tốt nhất ở thị trường đang phát triển”.

(3) Giải thưởng Frost & Sullivan “Doanh nghiệp dẫn đầu về năng lực cạnh tranh”.

(4) Giải thưởng Africom “Nhà mạng có giải pháp tốt nhất giúp cải thiện viễn thông tại khu vực nông thôn Châu Phi”.

(5) Giải “Mobile Innovations Awards” dành cho các doanh nghiệp khu vực châu Âu, Trung Đông và Châu Phi EMEA.

## **ĐÔNG TIMOR**



### **Ý nghĩa thương hiệu**

Telemor cấu thành từ “Telecommunication” và “More” - hàm ý tới một công ty viễn thông luôn phát triển không ngừng nhằm đem đến cho người dân Timor những dịch vụ sáng tạo, những lợi ích tốt nhất. Telemor có phát âm gần giống với tên đất nước Timor và từ Amor (tiếng Tetun, có nghĩa là “Tình yêu”) tạo ra mối liên kết gắn bó giữa thương hiệu và thị trường.

### **Thành tích, giải thưởng**

- Khai trương tháng 07/2013, nhà mạng số 1 từ năm 2014.
- Số 1 về thị phần: 830.000 khách hàng, chiếm 52% thị phần.
- Số 1 về hạ tầng: 680 trạm 2G/3G/4G, 2.600 km cáp quang, vùng phủ đạt 98%.
- Thị trường có lãi trong thời gian ngắn nhất (6 tháng kinh doanh).
- Góp phần thay đổi diện mạo ngành viễn thông khi tăng mật độ người sử

## **CAMEROON**



### **Ý nghĩa thương hiệu**

Nexttel cấu thành từ “Next” và “Telecommunication” – hàm ý tới một công ty viễn thông luôn phát triển không ngừng nhằm đem đến cho người dân Cameroon những dịch vụ sáng tạo, những lợi ích tốt nhất.

### **Thành tích, giải thưởng**

- Khai trương: 12/09/2014.
- Số 1 về hạ tầng: 2.500 trạm 2G/3G/4G, 8.000 km cáp quang.
- Số 2 về thị phần : 6,6 triệu khách hàng, chiếm 32% thị phần.
- Là nhà mạng đầu tiên tại Cameroon cung cấp dịch vụ 3G.
- Với mật độ thâm nhập điện thoại là 67%, đặc biệt là mật độ sử dụng điện thoại 3G là 26% thì năm 2018 được dự đoán là năm bùng nổ dịch vụ internet tại Cameroon, là cơ hội cho Nexttel phát triển thuê bao 3G.
- Sau 4 năm kinh doanh, kênh phân phối của Nexttel đã có sự phát triển vượt bậc,

dụng dịch vụ viễn thông từ 30% lên 60% dân số.

- Nhà mạng đầu tiên tại Đông Timor cung cấp 4G, phủ sóng 13/13 tỉnh và trở thành nhà mạng đem lại tốc độ và vùng phủ vượt trội về 4G cho mọi người dân Đông Timor.
- Các giải thưởng cấp khu vực và quốc tế:
  - (1) Giải thưởng Stevie Award “Doanh nghiệp khởi nghiệp thành công nhất”
  - (2) Giải thưởng Stevie Award “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất năm 2015 khu vực châu Á, châu Úc và New Zealand”
  - (3) Giải thưởng WCA “Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông tốt nhất tại thị trường đang phát triển”.

hiện quy mô kênh phân phối (điểm bán) đã ngang bằng đối thủ lớn nhất, thậm chí, kênh điểm bán có bán sim Nexttel đang là kênh lớn nhất tại thị trường.

- Các giải thưởng cấp khu vực và quốc tế:
  - (1) Giải thưởng Ascom Prize “Nhà cung cấp dịch vụ internet tốt nhất”
  - (2) Giải thưởng Ascom Prize “Ứng dụng truyền hình di động tốt nhất”.

## BURUNDI

**LUMITEL**

### Ý nghĩa thương hiệu

Lumitel mang ý nghĩa tỏa sáng, thấp sáng, thương hiệu thể hiện mong muốn hướng đến một tương lai tươi sáng, cuộc sống thịnh vượng. Tỏa sáng còn được ngầm hiểu về biểu tượng ba ngôi sao trên quốc kì Burundi. Burundi là một đất nước còn nhiều khó khăn, tạo dựng tương lai tươi đẹp hơn cũng chính là đích đến mà người dân khao khát nhất. Do vậy, mạng Lumitel muốn trở thành người bạn đồng hành, cùng Burundi mang đến dịch vụ và cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân nơi đây.

### Thành tích, giải thưởng

- Khai trương: 26/03/2015, nhà mạng đi số 1 chỉ sau 1 năm kinh doanh.
- Số 1 về thị phần: 2,1 triệu khách hàng, chiếm 52% thị phần
- Số 1 về hạ tầng: 1.000 trạm 2G/3G/4G, 3.300 km cáp quang, vùng phủ đạt 90%

## TAZANIA

**halotel**

### Ý nghĩa thương hiệu

Halotel là sự kết hợp của từ “Halo” và “Telecom”. Halo có ý nghĩa là vàng hào quang, ánh sáng của mặt trời. Halotel là mạng viễn thông phục vụ lợi ích của mọi người dân Tanzania, mang tới tương lai tươi sáng cho người dân và đất nước.

### Thành tích, giải thưởng

- Khai trương 15/10/2015.
- Về thị phần: 5,6 triệu khách hàng, chiếm 13% thị phần. Theo đánh giá của Cơ quan quản lý Viễn thông Tanzania TCRA, Halotel đang là nhà mạng dẫn đầu về tốc độ phát triển khách hàng mới.
- Về hạ tầng: 4.000 trạm 2G/3G/4G, 20.000km cáp quang, vùng phủ đạt 95%.
- Có tốc độ phát triển thuê bao ngoạn mục (đứng thứ 2 sau thị trường Myanmar): 1 triệu khách hàng sau 2 tháng, 4,8 triệu khách hàng sau 1 năm.

- Nhà mạng đầu tiên tại Burundi cung cấp dịch vụ 4G, phủ 100% lãnh thổ Burundi với tốc độ lên đến 100Mbps.
- Các giải thưởng cấp khu vực và quốc tế:
  - (1) Giải thưởng Stevie Award “Doanh nghiệp khởi nghiệp của năm”.
  - (2) Giải thưởng Stevie Award “Nhà mạng tốt nhất tại thị trường mới nổi”.
  - (3) Giải thưởng Stevie Award “Chiến dịch xây dựng thương hiệu tốt nhất”.
- Giúp 1.800 ngôi làng tại Tanzania lần đầu tiên được tiếp cận dịch vụ di động.
- Các giải thưởng cấp khu vực và quốc tế:
  - (1) Dự án đầu tư tốt nhất năm 2014 tại khu vực Đông, Tây và Trung Phi.
  - (2) Giải thưởng Tanzania Leadership Award “Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất của năm” và “Doanh nghiệp viễn thông của năm”.
  - (3) Giải thưởng Stevie Award “Doanh nghiệp phát triển nhanh nhất khu vực Trung Đông và châu Phi”.
  - (4) Giải thưởng Stevie Award “Sản phẩm giải trí truyền thông mới tốt nhất của năm”.

## MYANMAR



### Ý nghĩa thương hiệu

Mytel mang ý nghĩa là mạng di động của tôi (My Telecom, My Telefone) thể hiện sự tôn trọng, lắng nghe từng nhu cầu riêng biệt của khách hàng. Tên gọi Mytel cũng thể hiện hàm ý là công ty viễn thông của người Myanmar (Myanmar Telecom). Theo đó, mong muốn của Mytel là trở thành nhà mạng viễn thông tiếp thêm sức mạnh cho người dân, đất nước Myanmar xây dựng tương lai mong ước.

### Thành tích, giải thưởng

- Khai trương: 09/06/2018
- Đạt 2 triệu khách hàng sau 1 tháng khai trương và chiếm 50% cơ sở hạ tầng cáp quang (7.000 trạm 2G/3G/4G và 30.000 km cáp quang), vượt trội hơn 3 nhà mạng viễn thông trước đó tại Myanmar sử dụng hệ thống truyền dẫn viba.

## 6. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Viettel Global là đầu tư và kinh doanh mạng lưới viễn thông tại các thị trường nước ngoài (các nước đang phát triển). Bắt đầu từ việc đầu tư vào thị trường Campuchia với thương hiệu Metfone, sau 11 năm phát triển và mở rộng không ngừng, tính đến nay, Viettel Global đã có mặt tại 9 quốc gia bao gồm cả Châu Phi, Châu Mỹ La-tinh và khu vực Đông Nam Á.

Với tiềm lực tài chính vững mạnh, Viettel Global cung cấp đa dạng các dịch vụ viễn thông như điện thoại cố định, thuê bao di động, dữ liệu di động (3G, 4G), Internet Broadband và các dịch vụ gia tăng khác...

**Các con số ấn tượng Viettel Global năm 2017**



(Nguồn: Viettel Global và GSMA)

(i) Tại hầu hết các thị trường, mạng viễn thông của Viettel Global đều giữ vị trí số 1 về thị phần và số lượng thuê bao đăng ký

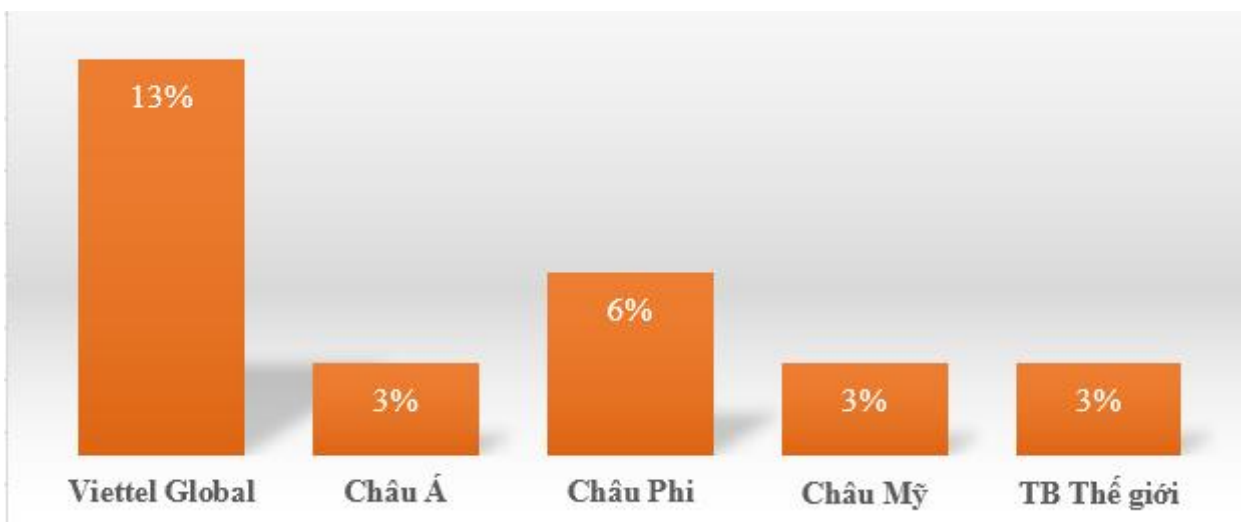
**Bảng 3: Số liệu thuê bao và thị phần trên từng thị trường năm 2017**

Thị trường	Unitel	Metfone	Telemor	Movitel	Halotel	Lumitel	Nexttel	Natcom
<b>Thuê bao (triệu TB)</b>	4,77	9,05	0,83	6,37	5,6	2,1	6,66	3,38
<b>Thị phần (%)</b>	51%	46%	52%	38%	13%	52%	32%	35%
<b>Vị thế</b>	số 1/3	số 1/3	số 1/3	số 1/3	số 4/7	số 1/3	số 2/3	số 2/2

(Nguồn: Viettel Global)







Tính đến hết năm 2017, Viettel Global đang phục vụ gần 40 triệu khách hàng quốc tế sử dụng dịch vụ di động, internet băng rộng, điện thoại cố định và không dây, giữ vững vị trí số 1 về thị phần tại 5/9 quốc gia đang đầu tư. So với năm 2016, Viettel Global tăng trưởng khách hàng 13%, gấp hơn 4 lần trung bình thế giới (khoảng 3%), các khu vực khác như Châu Phi khoảng 6%; Châu Mỹ khoảng 3% và Châu Á khoảng 3% theo GSMA. Đây là kết quả có ý nghĩa lớn trong bối cảnh thị trường viễn thông thế giới đang trong giai đoạn bão hòa và Viettel Global đang phải tập trung nguồn lực cho các thị trường mới đi vào hoạt động như Tanzania và Myanmar.

Hình 3 : Biểu đồ tỷ lệ tăng trưởng thuê bao năm 2017 so với năm 2016  
của Viettel Global và các khu vực trên thế giới




(Nguồn: Viettel Global và GSMA)

(ii) Viettel Global giữ vững vị trí thứ 1 về hạ tầng tại 7/9 quốc gia đang đầu tư, từ đó tạo tiền đề cho việc phát triển các dịch vụ viễn thông khác đặc biệt là Internet 4G tốc độ cao

Mạng viễn thông	Thị trường	Hạ tầng viễn thông	Vị thế
<b>Thị trường Đông Nam Á</b>			
	Campuchia	10.000 trạm 2G/3G/4G và 24.000 km cáp quang	Số 1 về hạ tầng
	Đông Timor	680 trạm 2G/3G/4G và 2.600 km cáp quang	Số 1 về hạ tầng
	Lào	5.000 trạm 2G/3G/4G và 30.000 km cáp quang	Số 1 về hạ tầng
	Myanmar	7.000 trạm 2G/3G/4G và 30.000 km cáp quang	Nhà mạng đầu tiên tại Myanmar cung cấp dịch vụ 2G/3G/4G
<b>Thị trường Châu Phi</b>			
	Mozambique	3.400 trạm 2G/3G/4G và 33.000 km cáp quang	Số 1 về hạ tầng
	Tanzania	4.000 trạm 2G/3G/4G và 20.000 km cáp quang	
	Burundi	1.000 trạm 2G/3G/4G và 3.300 km cáp quang	Số 1 về hạ tầng
	Cameroon	2.500 trạm 2G/3G/4G và 8.000 km cáp quang	Số 1 về hạ tầng



Thị trường Châu Mỹ La-tinh			
	Haiti	1.800 trạm 2G/3G/4G và 6.000 km cáp quang	Số 1 về hạ tầng

(Nguồn: Viettel Global, Số liệu tài thời điểm 31/12/2017)

**Bảng 4: Số liệu vùng phủ thoại và vùng phủ data trên từng thị trường năm 2017**

Thị trường	Unitel	Metfone	Telemor	Movitel	Halotel	Lumitel	Nexttel	Natcom
Vùng phủ thoại	97,20%	94,70%	92,70%	90,90%	78,80%	96,10%	89,10%	95,80%
Vùng phủ data	88,50%	67,10%	77,90%	53,30%	33,30%	81,10%	59,50%	66,70%
Xếp hạng	Số 1/3	Số 1/3	Số 1/3	Số 1/3	Số 3/7	Số 1/3	Số 2/3	Số 1/2

(Nguồn: Viettel Global)

Với 35.380 trạm phát sóng và 156.900 km cáp quang, vùng phủ thoại của Viettel Global tại hầu hết các quốc gia đều lên đến trên 90%, dẫn đầu tại 7/9 thị trường đã đầu tư về hạ tầng viễn thông.

Nhờ chiến lược đầu tư chú trọng vào cơ sở hạ tầng trên đã giúp Viettel Global nhanh chóng triển khai các dịch vụ gia tăng khác, đặc biệt là dịch vụ internet 4G, hiện đã có mặt tại 5/9 quốc gia (bao gồm Campuchia, Lào, Burundi, Haiti và Đông Timor). Qua đó, Viettel Global trở thành nhà mạng dẫn đầu về tốc độ, vùng phủ sóng 4G vượt trội và đã đem lại mức tăng trưởng đến 20% cho doanh thu trung bình trên từng khách hàng (ARPU) trong năm 2017.

**(iii) Đối với từng thị trường, Viettel Global xây dựng chiến lược kinh doanh riêng và sản phẩm khác biệt, tạo lợi thế cạnh tranh và nâng cao tốc độ tăng trưởng**

Ngoài đầu tư hạ tầng, mạng lưới viễn thông, tất cả các thị trường quốc tế của Viettel đều đã thành công trong việc thu hút khách hàng lớn là các doanh nghiệp, chính phủ sở tại với các dự án cung cấp các giải pháp viễn thông, công nghệ thông tin, đặc biệt trong lĩnh vực chính phủ điện tử, một thế mạnh của Viettel Global.

**Tại thị trường Campuchia,** Công ty Viettel Cambodia và Viện Quốc gia về Bưu chính, Viễn thông và CNTT thuộc Bộ Bưu chính viễn thông đã ký kết thỏa thuận hợp tác xây dựng và phát triển dự án chính phủ điện tử cho đất nước này, đánh dấu sự thay đổi mang tính lịch sử trong cuộc đưa CNTT vào các hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp một cách hiệu quả hơn. Trước đó, Viettel Campuchia đã chủ động làm việc cùng Bộ Bưu chính Viễn thông Campuchia về việc xây dựng và triển khai dự án Chính phủ Điện tử, tập trung vào việc đào tạo nhân lực, nghiên cứu và phát triển nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của các dự án chính phủ điện tử, tăng cường an ninh mạng và thúc đẩy sự phát triển của ngành CNTT và viễn thông.

**Tại thị trường Lào,** Công ty Star Telecom của Viettel đã triển khai thành công Hệ thống thông tin đăng ký và Quản lý hộ tịch cho Bộ Nội Vụ. Đây là dự án xã hội thông minh lớn nhất tại Lào tạo tiền đề giúp Unitel ký kết thành công thêm nhiều hợp đồng dịch vụ công nghệ thông tin với các cơ quan Chính phủ Lào. Cụ thể: Cung cấp giải pháp

quản lý văn bản hành chính (V-Office) và cầu truyền hình cho Bộ Năng lượng; Xây dựng hệ thống RTGS (Real Time Gross Settlement) và Core Banking – hệ thống đảm trách nhiệm vụ đối soát giao dịch giữa các ngân hàng với Ngân hàng Trung ương; Cung cấp dịch vụ Internet và Kênh truyền với Bộ An Ninh và cung cấp giải pháp CNTT cho hệ thống thanh toán tiền nước trực tuyến – hỗ trợ kết nối Công ty nước Vientiane với các ngân hàng trong khu vực.

**Tại thị trường Đông Timor,** Công ty Viettel Timor Leste (Telemor) là đơn vị duy nhất đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về kỹ thuật để thực hiện Dự án Đường truyền Kết nối quốc gia VI với chính phủ Đông Timor. Việc thực hiện thành công Dự án NCP VI sẽ là cơ sở để Telemor có thể tiếp tục được Chính phủ Timor lựa chọn để thực hiện hệ thống Chính phủ điện tử góp phần không nhỏ vào kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận của Telemor.

**Tại thị trường Mozambique,** thương hiệu Movitel của Viettel đã trở thành đối tác của chính thức của Cục Viễn thông (INCM) - Bộ giao thông và truyền thông (“Dự án Viễn thông công ích” - triển khai 30 trạm phát sóng tại các vùng nông thôn chưa có sóng di động), và với Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ Mozambique (“Dự án kênh truyền và triển khai giải pháp chính phủ điện tử”).

**Tại thị trường Burundi,** Công ty Viettel Burundi cũng đã hoàn thành và cho ra mắt “Hệ thống thanh toán thuế qua điện thoại di động” cho Cục thuế Burundi. Đây là một trong những tính năng của dịch vụ ví điện tử Lumicash, giúp hơn 11 triệu người dân Burundi có thể thanh toán thuế, các khoản phí và lệ phí bằng điện thoại di động.

**Tại thị trường Haiti,** Công ty Natcom của Viettel đã xây dựng thành công hệ thống quản lý văn bản điện tử (N-Office) cho Bộ Giao thông, Viễn thông và Công trình Công cộng và Tổng cục Hải quan Haiti. Ngay sau đó, Công ty đã ký thành công dự án đường trục quốc gia cho Chính phủ Haiti. Đây là dự án đặc biệt của Chính phủ Haiti phục vụ làm thẻ căn cước công dân điện tử cho hơn 10 triệu người dân.

*(iv) Thị trường Châu Phi bắt đầu tăng trưởng mạnh từ cả thị trường mới đầu tư và thị trường cũ*

**Bảng 5: Cơ cấu doanh thu của Viettel Global theo khu vực địa lý**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
<b>Thị trường Châu Phi</b>	5.731.843	37,38%	7.640.278	40,16%	33,30%
<b>Thị trường Châu Mỹ La-tinh</b>	1.828.133	11,92%	2.054.875	10,80%	12,40%
<b>Thị trường Đông Nam Á</b>	5.809.869	37,88%	5.903.565	31,03%	1,61%
<b>Khác</b>	1.965.978	12,82%	3.424.449	18,00%	74,19%

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
<b>Tổng</b>	<b>15.335.823</b>	<b>100%</b>	<b>19.023.167</b>	<b>100%</b>	<b>24,04%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 của Tổng Công ty)

Trong số 3 khu vực Viettel Global đầu tư, thị trường Châu Phi có mức tăng trưởng mạnh nhất, đạt 33,30% tập trung vào 3 thị trường gồm:

- Cameroon tăng trưởng 55%, đóng góp 37% vào doanh thu tăng thêm của Châu Phi;
- Tanzania tăng trưởng 37%, đóng góp 22% vào doanh thu tăng thêm của Châu Phi;
- Mozambique tăng trưởng 14%, đóng góp 29% vào doanh thu tăng thêm của Châu Phi..

Thị trường Đông Nam Á được Viettel Global lựa chọn và chú trọng đầu tư ngay từ những năm đầu thành lập và cho đến nay đã đem lại mức doanh thu ổn định, chiếm trên 30% tổng doanh thu trên các thị trường của Tổng Công ty.

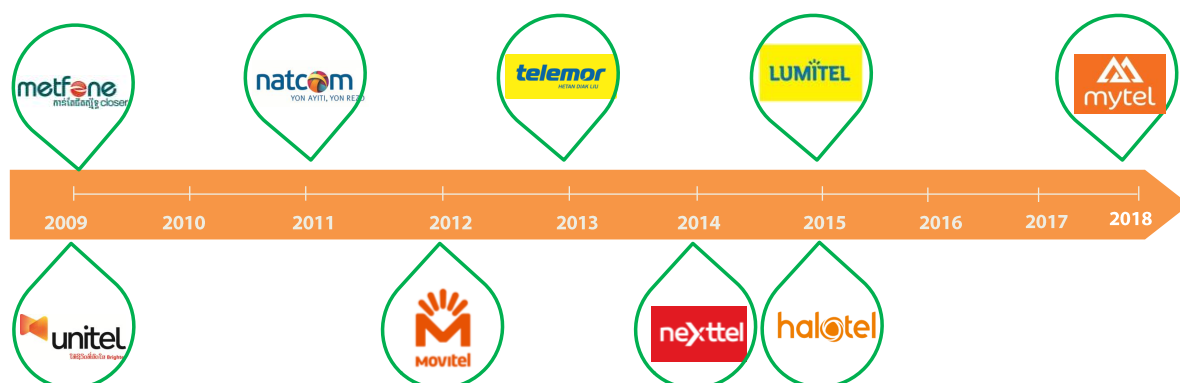
Doanh thu đến từ thị trường Châu Mỹ La-tinh chỉ chiếm tỷ trọng trên dưới 11% trong tổng doanh thu tuy nhiên có tốc độ tăng trưởng tốt và dung lượng thị trường còn lớn. Do vậy khả năng doanh thu và lợi nhuận từ thị trường này đem lại vẫn sẽ tăng trưởng đáng kể trong thời gian tới.

Khoản mục khác ghi nhận số liệu tài chính tại thị trường Việt Nam, bao gồm Công ty mẹ Viettel Global và Công ty con Viettel Oversea. Trong đó, doanh thu của công ty mẹ chủ yếu đến từ việc bán thiết bị cho các công ty con, quản lý vốn đầu tư tại các công ty con và công ty liên kết trên các thị trường. Công ty con Viettel Oversea chỉ phát sinh chi phí hoạt động chung.

**(v) Thông thường các dự án đầu tư viễn thông thường có thời gian thu hồi vốn dài từ 5-13 năm. Tuy nhiên, các thị trường Viettel Global đã đầu tư từ 3 năm trở lên đều có kết quả kinh doanh tích cực, thậm chí có lãi.**

Viễn thông là một trong những lĩnh vực đòi hỏi cơ sở hạ tầng và sự đổi mới liên tục về công nghệ để nâng cao chất lượng mạng lưới, chất lượng dịch vụ và đa dạng các loại hình dịch vụ. Đặc điểm của đầu tư viễn thông là giá trị đầu tư lớn, dự án nước ngoài thường chịu lỗ kế hoạch trong 3-4 năm đầu kinh doanh do chi phí vận hành khai thác và khấu hao lớn trong giai đoạn đầu khai thác. Thời gian thu hồi vốn đầu tư dài, thông thường khoảng 5-13 năm tùy từng tính chất, điều kiện thị trường và khu vực (Châu Á: 5-6 năm; Châu Mỹ: 8-10 năm và Châu Phi: 12-13 năm). Thực tế cho thấy các thị trường Viettel Global đã đầu tư từ 3 năm trở lên đều có kết quả kinh doanh tích cực. Trong đó, 3 thị trường là Lào, Campuchia và Đông Timor đã hoàn vốn đầu tư và vận hành hiệu quả. Do đó, khi tất cả các thị trường hoạt động qua điểm hoàn vốn, Viettel Global hoàn toàn có khả năng phát triển mạnh mẽ và đem về mức doanh thu và lợi nhuận lớn.

*Thời điểm khai trương tại các thị trường của Viettel Global*



(Nguồn: Viettel Global)

Tuy mất nhiều năm để hoàn vốn nhưng hiệu quả kinh tế của các dự án viễn thông thường cao (IRR bình quân các dự án viễn thông trên thế giới khoảng 12-15%) do bên cạnh việc thu hồi vốn từ dòng tiền sản xuất kinh doanh của dự án thì nhà đầu tư còn thu hồi vốn từ việc chuyển nhượng công ty bao gồm tài nguyên tần số, hạ tầng và thuê bao. Theo thống kê, đối với dự án viễn thông đã đi vào ổn định thì giá trị chuyển nhượng công ty lớn hơn giá trị đầu tư gấp nhiều lần.

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hai năm gần nhất

**Bảng 6: Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ 2016-2017 và Quý I/2018**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm	Quý I/2018
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	49.909.516	53.703.789	7,60%	53.260.599
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	30.543.743	32.411.313	6,11%	32.562.004
<b>Doanh thu thuần</b>	5.588.347	8.806.757	57,59%	658.454
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	2.136.303	2.288.834	7,14%	192.237
<b>Lợi nhuận khác</b>	(29.109)	75.863	-	(5.445)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	2.107.194	2.364.696	12,22%	186.792
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	1.751.786	1.946.954	11,14%	150.692
<b>Giá trị sổ sách/cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	13.612	14.445	6,11%	14.512

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2017 và BCTC riêng tự lập Quý I/2018 của Tổng Công ty)

(\*) Tổng Công ty chưa hoàn thiện báo cáo tài chính Quý 2 năm 2018 do Viettel Global là công ty thực hiện đầu tư tại thị trường nước ngoài (09 nước) và các công ty này đều phải lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế, vì vậy khi hợp nhất báo cáo tài chính về Viettel Global sẽ mất thời gian.

**Ý kiến của đơn vị kiểm toán tại BCTC riêng năm 2017:**

Chi tiết ý kiến kiểm toán của đơn vị kiểm toán được nêu tại Báo cáo tái chính riêng kiểm toán năm 2017.

**Bảng 8: Kết quả kinh doanh Hợp nhất 2016-2017 và Quý I/2018**

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>% tăng giảm</b>	<b>Quý I/2018</b>
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	46.865.280	51.966.554	10,88%	51.687.734
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	18.382.836	18.458.464	0,41%	18.335.008
<b>Doanh thu thuần</b>	15.335.823	19.023.167	24,04%	3.942.997
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	(2.966.023)	61.977	-	32.287
<b>Lợi nhuận khác</b>	(70.686)	(35.205)	-	(18.386)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	(3.036.709)	26.772	-	13.902
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	(3.427.217)	(481.058)	-	(107.573)
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>	(2.534.025)	(331.383)	-	(146.978)
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</b>	(893.192)	(149.675)	-	39.405
<b>Giá trị sổ sách/cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	8.957	9.114	1,75%	9.082

*(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2018 của Tổng Công ty)*

(\*) Tổng Công ty chưa hoàn thiện báo cáo tài chính Quý 2 năm 2018 do Viettel Global là công ty thực hiện đầu tư tại thị trường nước ngoài (09 nước) và các công ty này đều phải lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế, vì vậy khi hợp nhất báo cáo tài chính về Viettel Global sẽ mất thời gian.

**Ý kiến của đơn vị kiểm toán tại BCTC hợp nhất năm 2017:**

Chi tiết ý kiến kiểm toán của đơn vị kiểm toán được nêu tại Báo cáo tái chính hợp nhất kiểm toán năm 2017.

Với kết quả kinh doanh trên có thể nhận thấy, công ty mẹ và hợp nhất đều có doanh thu tăng trưởng ở mức cao (54% đối với công ty mẹ và 24% đối với hợp nhất toàn tổng công ty). Nguyên nhân là do sự tăng trưởng từ cả các thị trường đã đầu tư và mới đầu tư của Tổng công ty, cụ thể:

- Thị trường Châu Phi: có mức tăng trưởng mạnh nhất, đạt 33,30% tập trung vào 3 thị trường gồm:
  - ✓ Cameroon tăng trưởng 55%, đóng góp 37% vào doanh thu tăng thêm của Châu Phi;
  - ✓ Tanzania tăng trưởng 37%, đóng góp 22% vào doanh thu tăng thêm của Châu Phi;
  - ✓ Mozambique tăng trưởng 14%, đóng góp 29% vào doanh thu tăng thêm của Châu Phi.

- Thị trường Đông Nam Á được Viettel Global lựa chọn và chú trọng đầu tư ngay từ những năm đầu thành lập và cho đến nay đã đem lại mức doanh thu ổn định, chiếm trên 30% tổng doanh thu trên các thị trường của Tổng Công ty.
- Doanh thu đến từ thị trường Châu Mỹ La-tinh chỉ chiếm tỷ trọng trên dưới 11% trong tổng doanh thu tuy nhiên có tốc độ tăng trưởng tốt và dung lượng thị trường còn lớn. Do vậy khả năng doanh thu và lợi nhuận từ thị trường này đem lại vẫn sẽ tăng trưởng đáng kể trong thời gian tới.

Năm 2017, Tổng Công ty có lãi hợp nhất trước thuế là 26,8 tỷ đồng. Về lợi nhuận sau thuế, công ty mẹ có mức lợi nhuận 1.947 tỷ đồng, sau khi hợp nhất với lợi nhuận của các công ty con thì Tổng Công ty ghi nhận mức lỗ hơn 481 tỷ đồng, giảm 612% so với năm 2016 (lỗ 3.427 tỷ đồng). Nguyên nhân chủ yếu của các khoản lỗ là do chi phí chênh lệch tỷ giá, cụ thể năm 2016 là 3.011 tỷ đồng (chiếm 83% chi phí tài chính) và năm 2017 là 2.733 tỷ đồng (chiếm 78,5% chi phí tài chính).

## **8. Các giải pháp quản trị rủi ro của Viettel Global**

### **Về mặt tỷ giá:**

Do vốn đầu tư của Viettel chuyển ra nước ngoài là ngoại tệ (USD, EUR) trong khi doanh thu tại các nước bản địa là đồng nội tệ nên kết quả kinh doanh của Viettel Global bị ảnh hưởng bởi cả rủi ro tỷ giá khi quy đổi doanh thu sang USD và rủi ro đánh giá lại tỷ giá các khoản công nợ ngoại tệ cuối kỳ. Thực tế, không dễ dàng để đo lường biến động lên xuống của tỷ giá, do vậy khi đồng tiền tại nước đầu tư mất giá so với đồng USD thì Tổng Công ty sẽ ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện, trích lập sổ sách đánh giá lại các khoản công nợ bằng ngoại tệ. Ngược lại, trong trường hợp đồng tiền tại nước đầu tư tăng giá, Tổng Công ty sẽ ghi nhận lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện.

Để giảm rủi ro tỷ giá, Viettel Global thực hiện và nghiên cứu nhiều giải pháp trực tiếp và gián tiếp khác nhau. Các giải pháp trực tiếp như: vay vốn bằng đồng nội tệ để tránh tác động của lãi suất LIBOR và tỷ giá; tăng cường việc ký hợp đồng mua bán bằng đồng tiền nội tệ; sử dụng các hợp đồng phái sinh: forward, options...; hợp tác với các Ngân hàng để được ưu tiên mua USD chuyển về Việt Nam, đặc biệt chú trọng đối với các nước khan hiếm USD như Burundi, Haiti... Đối với 1 số thị trường biến động tỷ giá dự báo tiếp diễn dài hạn dẫn đến chênh lệch tỷ giá đánh giá lại công nợ gốc ngoại tệ lớn (do nợ vay cổ đông lớn), Viettel Global xem xét điều chỉnh lại tỷ lệ vốn điều lệ - nợ cổ đông hợp lý với điều kiện của từng thị trường, trong đó có việc chuyển một phần nợ cổ đông thành vốn chủ sở hữu để giảm thiểu trích lập dự phòng đánh giá lại tỷ giá.

Các giải pháp gián tiếp Viettel Global có thể sử dụng: (i) thuê tư vấn là cán bộ ngành chính phủ, cập nhật thường xuyên cho Tổng Công ty các thay đổi về chính sách để chủ động có giải pháp phòng ngừa, (ii) xem xét khả năng phối hợp với các công ty xuất nhập khẩu các hàng hóa tại thị trường để hoán đổi đồng tiền.

### **Về mặt chính trị:**

Là các rủi ro thay đổi chính quyền, xung đột chính trị giữa các đảng phái trong một quốc gia, môi trường chính trị thay đổi khi thay đổi đảng cầm quyền tại các quốc gia Viettel Global đầu tư v.v....

Tuy nhiên, quan điểm đầu tư của Viettel là giúp nâng tầm nền viễn thông của nước bạn, đem tới sự phát triển bền vững của một quốc gia. Vì vậy, Viettel Global luôn cam kết phủ sóng 95% dân số bao gồm cả các vùng sâu, vùng xa nghèo nàn, lạc hậu, với công nghệ cao (triển khai cáp quang, băng rộng chứ không dùng viba) nhằm đảm bảo tốc độ đường truyền cũng như chất lượng dịch vụ. Đồng thời, Viettel Global đều xây dựng những thương hiệu riêng cho mỗi thị trường, để mỗi Công ty mà Viettel đầu tư là thương hiệu của quốc gia đó, là Công ty của chính những người sở tại, là niềm tự hào của mỗi quốc gia đó.

Đồng thời, Viettel cũng triển khai nhiều chương trình xã hội mang lại lợi ích và đóng góp cho sự phát triển của nước bạn về giáo dục, y tế (cung cấp internet miễn phí), hỗ trợ người dân địa phương (phủ sóng vùng sâu, vùng xa) hoặc giúp xây dựng chính phủ điện tử, v.v Đây là những lĩnh vực mà bất kỳ Chính phủ nào cũng cần trong hoạt động điều hành và giúp an sinh xã hội, qua đó, giúp Viettel Global xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp với đối tác và Chính phủ.

Ngoài ra, Viettel Global luôn tôn trọng các chính Đảng và đối Đảng, không theo Tôn giáo. Do vậy, ngay cả khi có biến động về chính trị hoặc xung đột giữa các đảng phái tại các nước Viettel Global đầu tư, mối quan hệ với chính quyền và các tầng lớp xã hội luôn được duy trì tốt để bảo toàn tài sản và kinh doanh bình thường.

#### **Về mặt chính sách:**

Doanh thu và lợi nhuận dự án viễn thông rất nhạy cảm với các thay đổi về chính sách. Tại một số nước Viettel Global đang đầu tư, rủi ro chính sách cho viễn thông đến từ việc thay đổi lãnh đạo theo nhiệm kỳ.

Để quản trị rủi ro này, Viettel Global luôn chủ động phối hợp, tham gia cùng với Bộ quản lý viễn thông của các nước đầu tư trong việc xây dựng các chính sách mới, chủ động đề xuất đưa các công nghệ mới vào phục vụ khách hàng, từ đó có những tham vấn và đề xuất có lợi cho Viettel Global, cho Chính phủ và cho khách hàng ngay từ thời điểm dự thảo chính sách.

Với việc chủ động đón đầu các chính sách mới, Viettel Global có thể ứng xử kịp thời và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động SXKD, biến những chính sách mới thành lợi thế để cạnh tranh với đối thủ tại các Công ty thị trường.

Bên cạnh đó, với quan điểm là một đại diện của Việt Nam tại nước sở tại, ngay từ khi xúc tiến đầu tư, Viettel Global cũng sẽ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đại diện Chính phủ Việt Nam đặt tại quốc gia đó. Nhờ vậy, Viettel Global có thể nhận được nhiều hỗ trợ về mặt luật pháp và chính trị như các thỏa thuận bảo hộ đầu tư hoặc đưa dự án đầu tư trở thành dự án hợp tác của quốc gia v.v..

#### **Về thị trường:**

Tại hầu hết các thị trường Viettel Global đầu tư, Viettel Global đều là nhà mạng vào sau, do vậy mức độ cạnh tranh rất cao. Các đối thủ của Viettel Global tại các thị trường hầu hết là các nhà mạng đứng đầu thế giới, có kinh nghiệm lâu năm làm viễn thông, tiềm lực tài chính lớn. Bài toán cạnh tranh trong kinh doanh đa dạng và rất gay gắt.

Để quản trị rủi ro này, Tổng Công ty luôn chủ động nghiên cứu, phân tích kỹ đối thủ, tìm lợi thế cạnh tranh riêng biệt, cách làm khác trong việc ban hành chính sách và chiến lược kinh doanh.

Cụ thể, Viettel Global có thể biến bất lợi là nhà mạng đến sau thành lợi thế cạnh tranh, đó là, luôn tiên phong cung cấp công nghệ hàng đầu tại các quốc gia tham gia đầu tư. Tại nhiều thị trường, các doanh nghiệp viễn thông hàng đầu thế giới và khu vực như Vodafone, Telefonica, Orange, Digicel... hầu như không đầu tư nhiều cho hạ tầng băng rộng cáp quang, vùng phủ sóng chỉ tập trung ở các thành phố lớn. Vì vậy, ngay khi mới có mặt Viettel Global đã tạo ra vùng phủ dịch vụ sâu rộng khắp mọi vùng miền và luôn là doanh nghiệp dẫn đầu thị trường về hạ tầng viễn thông với đường truyền cáp quang và băng thông rộng mà không sử dụng viba nhằm đảm bảo tốc độ đường truyền cũng như chất lượng dịch vụ một cách lâu dài, ổn định.

Bên cạnh việc dẫn đầu về hạ tầng mạng lưới và vùng phủ sóng, Viettel Global cũng xây dựng chiến lược kênh phân phối rộng khắp đất nước để cung cấp dịch vụ viễn thông tới từng người dân. Chính sách bán hàng tận nhà (door-to-door) đã giúp các Công ty của Viettel Global đạt được sự hỗ trợ mạnh mẽ của người dân địa phương, nhờ dịch vụ và công ăn việc làm mà Viettel Global mang đến cho họ cũng như phổ biến dịch vụ của Công ty một cách nhanh chóng.

Mặt khác, việc mở rộng đầu tư ra nhiều quốc gia, giúp Viettel Global có thể dễ dàng mua các thiết bị viễn thông với giá rẻ hơn rất nhiều so với trước do đặt mua với số lượng rất lớn để lắp đặt cho tất cả các thị trường. Điều này trở thành một lợi thế của Viettel Global trong kinh doanh với chi phí đầu tư thấp hơn các doanh nghiệp khác.

#### **Về sự khác biệt văn hóa (văn hóa kinh doanh, văn hóa bản địa):**

Rủi ro đến từ sự khác biệt về thị trường, rào cản ngôn ngữ, khác biệt văn hóa, thủ tục pháp lý và tư duy của khách hàng và nhân tố con người, quy trình và hệ thống.

Để quản trị rủi ro trên, trước khi quyết định đầu tư, Tổng Công ty cử các đoàn chuyên gia của từng lĩnh vực kinh doanh, kỹ thuật, tài chính, pháp lý v.v nghiên cứu chi tiết về quốc gia chuẩn bị đầu tư (văn hóa, tập quán sinh hoạt, thói quen tiêu dùng của người dân...), báo cáo phân tích chi tiết nhằm tham mưu cho quyết định của lãnh đạo Tập đoàn. Khi thực thi, Tổng Công ty cử các cán bộ đã được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và môi trường kinh doanh trước khi đi nhận nhiệm vụ.

Tại mỗi thị trường đầu tư, Viettel Global cũng đã và đang tạo ra một văn hóa doanh nghiệp riêng, truyền cho nhân viên người sở tại sự nhiệt huyết, niềm tin vào công việc nhằm xây dựng một tập thể cùng chung chí hướng, xoá bỏ các mâu thuẫn về văn hoá. Tổng Công ty cũng đã tổ chức các lớp đào tạo tiếng Việt và nghiệp vụ cho các nhân viên người nước ngoài. Qua quá trình học tập và cùng làm với các đồng nghiệp Việt Nam, các nhân viên sở tại sẽ quen và hiểu văn hóa cũng như tác phong làm việc của Việt Nam.

Ngoài ra, với các chương trình xã hội như cung cấp Internet tới trường học, mô hình miễn phí hay điện thoại nông thôn... được các Công ty của Viettel triển khai tại các thị trường đang đầu tư cũng đã giúp các Công ty thực sự trở thành mạng của người sở tại, phục vụ cho người sở tại.



Viettel Global cũng xác định việc sản xuất kinh doanh tại thị trường phải do người sở tại đảm nhiệm, ưu tiên các đối tác cung cấp thiết bị và dịch vụ là của địa phương để góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội nói chung. Triết lý kinh doanh và cách làm “nhập gia tùy tục” như trên đã giúp Viettel Global thu hẹp khoảng cách và khác biệt văn hoá.

## 9. Vị thế của Viettel Global so với các công ty khác trong cùng ngành:

### 9.1. Vị thế của Viettel Global trong ngành

Vị thế của Viettel Global ngày càng được củng cố và mở rộng. Sau 11 năm đầu tư ra nước ngoài, đến nay quy mô thị trường đã hoạt động tại 9 quốc gia (4 quốc gia châu Á, 4 quốc gia châu Phi và 1 quốc gia châu Mỹ), phục vụ gần 40 triệu khách hàng quốc tế sử dụng dịch vụ di động, internet băng rộng, điện thoại cố định và không dây.

Tại các quốc gia Viettel Global đầu tư, hầu hết, thương hiệu mạng viễn thông của Tổng Công ty đều đứng vị trí thứ nhất. Tốc độ tăng trưởng hàng năm của các thị trường đều đạt tối thiểu 20-30%, cao gấp gần 10 lần so với tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành viễn thông thế giới. Vị thế của Viettel Global cụ thể như sau:

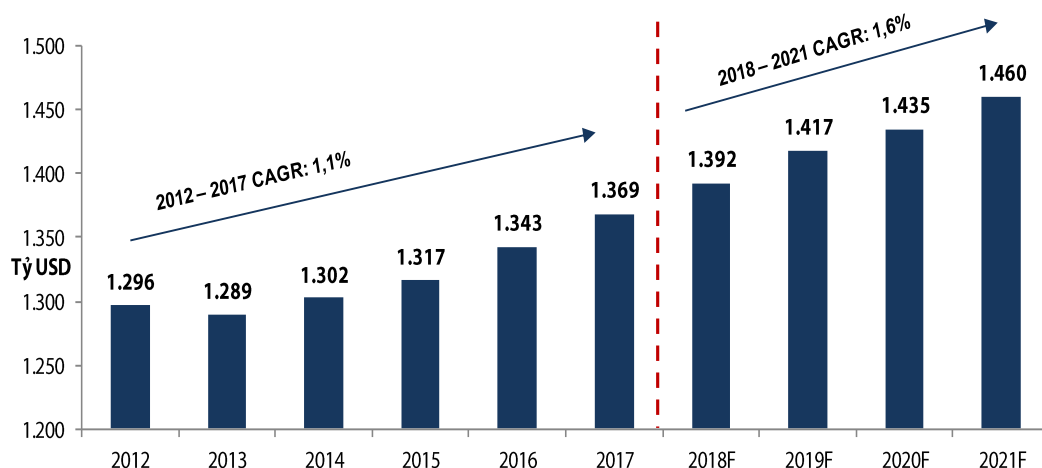
- Vị thế về hạ tầng: Đứng đầu về hạ tầng tại 7/9 thị trường (thị trường Myanmar mới đầu tư mạng lưới vào đầu năm 2017).
- Vị thế về thuê bao: Tổng thuê bao đạt hơn 38 triệu thuê bao, thuộc top 30 công ty viễn thông trên Thế giới.
- Vị thế về thị phần: Đứng đầu về thị phần tại 5/9 thị trường. Trong đó, thị trường Myanmar (tên thương hiệu là Mytel) mặc dù mới khai trương nhưng cũng được đánh giá là thị trường có tiềm năng phát triển lớn khi sau hơn 1 tháng kinh doanh, Mytel đã đạt được 2 triệu thuê bao.

### 9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành viễn thông thế giới đang biến chuyển với tốc độ rất nhanh và có những sự thay đổi và chuyển ngôi một cách rõ nét. Viễn thông đã và đang đóng góp vai trò lớn nhất trong việc rút ngắn khoảng cách giữa các nước phát triển và đang phát triển.

Doanh thu từ lĩnh vực viễn thông trên thế giới đang duy trì mức tăng trưởng ổn định với CAGR đạt 1,1% cho giai đoạn 2012-2017.

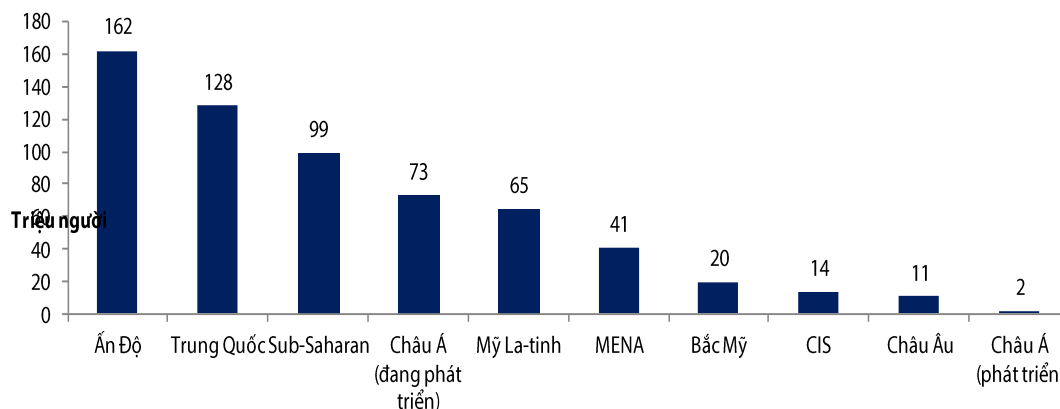
**Hình 4: Doanh thu toàn cầu từ các dịch vụ viễn thông**



(Nguồn: Statista)

Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông trên thế giới ngày càng lớn khi tỷ lệ sử dụng điện thoại di động/người trên thế giới đang ngày càng tăng cao (vượt trên 100% trong năm 2017). Dự báo đến năm 2020, số lượng thuê bao đăng ký sử dụng dịch vụ di động vẫn tiếp tục tăng mạnh, đặc biệt tại khu vực Châu Á và Châu Phi.

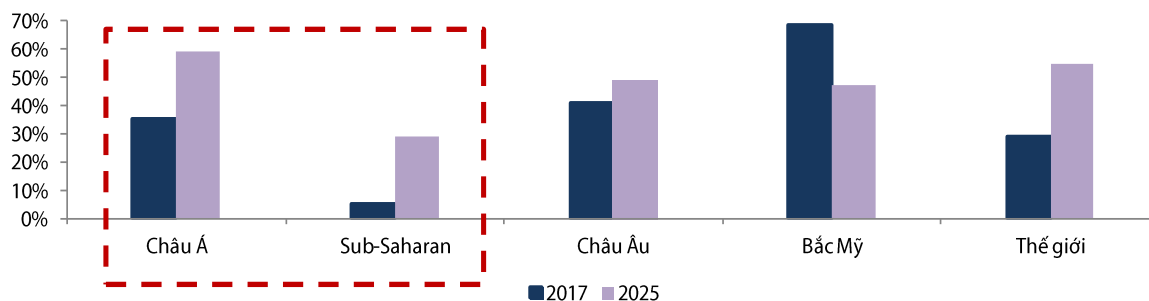
**Hình 5 : Tăng trưởng số lượng thuê bao đăng ký giai đoạn 2016-2020**



(Nguồn: ITU)

Trong tương lai gần, xu thế phát triển chung của viễn thông sẽ chủ yếu tập trung dựa trên kinh nghiệm của người sử dụng và khả năng kết nối công nghệ mọi nơi mọi lúc. Trong đó smartphone và các thiết bị đeo vẫn là thiết bị kết nối di động chủ yếu. Dự kiến trong giai đoạn 2018-2021, các sản phẩm dịch vụ viễn thông mới như Internet of Things (IoT) cùng các cải tiến về kỹ thuật khác sẽ góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng của ngành viễn thông trên toàn thế giới. Dịch vụ 4G được dự báo sẽ là dịch vụ được sử dụng phổ biến nhất trong vòng 10 năm tới. Theo đó, tỷ lệ sử dụng 4G trên thế giới năm 2025 được dự báo là khoảng 63% (so với 32% năm 2017). Tỷ lệ này đặc biệt tăng lên tại khu vực Châu Á và Hạ Saharan.

**Hình 6 : Tỷ lệ sử dụng 4G theo khu vực giai đoạn 2017-2025**



(Nguồn: GSMA)

**9.3. Đánh giá về sự phù hợp trong định hướng phát triển của Viettel Global so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:**

Trong xu thế hội nhập toàn cầu hóa và cuộc cách mạng 4.0 bùng nổ mạnh mẽ hiện nay, ngành viễn thông có vai trò vô cùng to lớn trong việc kết nối và truyền tải thông tin

nhanh chóng, là cơ sở để phát triển các lĩnh vực, thành phần khác trong nền kinh tế. Nhu cầu con người đối với các nền tảng, ứng dụng công nghệ mới ngày càng tăng lên, là động lực thúc đẩy sự ra đời của các công nghệ mới cho tốc độ kết nối cao hơn. Điều này mở ra cơ hội cho tất cả các công ty viễn thông trên thế giới sáng tạo và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, đa dạng đối tượng khách hàng.

Viettel Global đã trở thành doanh nghiệp có vai trò dẫn dắt trong ngành viễn thông và công nghệ thông tin của Việt Nam ra nước ngoài với số lượng thuê bao kỷ lục (gần 40 triệu thuê bao). Mục tiêu dài hạn của Tổng Công ty là tiếp tục mở rộng đầu tư ra nước ngoài và trở thành một Tập đoàn toàn cầu, nằm trong top các doanh nghiệp viễn thông lớn nhất thế giới. Sự phát triển của Viettel Global có vai trò không thể thiếu và phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, của Nhà nước và xu hướng phát triển của Thế giới.

## **10. Chính sách đối với người lao động**

### **10.1. Số lượng người lao động trong Tổng công ty**

Tổng công ty luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của Tổng công ty. Chính sách nhân sự của Viettel Global được xây dựng với mục đích biến nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh hàng đầu.

Tại ngày 30/06/2018 số lượng nhân viên Viettel Global là 10.025 người, được phân loại như sau:

**Bảng 7: Số lượng lao động tại ngày 30/06/2018**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số lượng (người)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>I. Phân theo giới tính</b>		
Nam	7.769	77,5%
Nữ	2.256	22,5%
<b>II. Phân loại theo trình độ</b>		
Thạc sĩ	135	1,3%
Đại học	6.163	61,5%
Cao đẳng	1.976	19,7%
Trung cấp	730	7,3%
Trung học phổ thông trở xuống	1.021	10,2%
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.025</b>	<b>100%</b>

*(Nguồn: Viettel Global)*

### **10.2. Chính sách với người lao động**

#### **❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

##### *Chính sách tuyển dụng*

Mục tiêu tuyển dụng của Viettel Global là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, năng lực, đáp ứng được yêu cầu công việc và góp phần vào chiến lược phát triển lâu dài của Tổng Công ty.

Việc tuyển dụng được dựa trên nhu cầu lao động. Viettel Global tiến hành thi tuyển với những tiêu chuẩn nhất định mà Tổng Công ty đã đặt ra. Tiêu chí tuyển dụng

dựa trên tố chất, tiềm năng và thiện chí của mỗi ứng viên.

*Chính sách đào tạo*

- **Về năng lực chuyên môn:** Công ty luôn chú trọng vào việc đào tạo chuyên sâu cho CBCNV để nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn, hỗ trợ nhân viên phát triển nghề nghiệp cá nhân cũng như tăng hiệu quả trong công việc. Không chỉ đào tạo CBCNV người Việt, Viettel Global còn chú trọng đến việc đào tạo, chuyển giao kiến thức cho CBCNV người bản địa. Hàng năm, Viettel Global đều tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn 3-6 tháng cho nhân sự nước ngoài được học tập và trải nghiệm công việc tại Việt Nam. Nhờ đó, hiện nay toàn bộ công ty tại thị trường đã có nhân sự sở tại được chuyển giao các vị trí quan trọng tại các Công ty con sau khi được đào tạo: Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Công ty, Giám đốc Chi nhánh...
- **Về ngoại ngữ:** Với vị thế là Tổng Công ty mang tính toàn cầu, Viettel Global chú trọng đào tạo cho CBCNV về mặt ngoại ngữ (tiếng Anh, ngôn ngữ sở tại đối với CBCNV người Việt và tiếng Việt đối với CBCNV người sở tại) giúp CBCNV dễ dàng tiếp cận, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình làm việc.
- **Về văn hóa Viettel:** Với sứ mệnh của một công ty đa quốc gia, ngoài việc tổ chức các chương trình nhằm giúp CBCNV hiểu rõ về lịch sử và văn hóa tại Việt Nam, Viettel Global còn có các chương trình đào tạo về văn hóa của từng thị trường, các kỹ năng giao tiếp tại nước sở tại, kỹ năng làm việc tại nước ngoài. Do vậy, các nhân sự người Việt tại nước ngoài đều có khả năng dẫn dắt, truyền lửa cho nhân viên sở tại để họ hiểu hơn, gắn kết với công ty, xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững.
- **Về kinh nghiệm thực tiễn:** Viettel Global luôn có các buổi hội thảo về bài học thành công, thất bại đã được đúc kết qua thực tiễn triển khai công việc, từ đó CBCNV có thể tích lũy thêm được rất nhiều kinh nghiệm khi xử lý các vấn đề phát sinh.

❖ **Chế độ làm việc**

- Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44-48 tiếng/tuần tùy theo tính chất công của công việc.
- Nghỉ phép, lễ, Tết:
  - ✓ Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng quy định của Nhà nước. Nếu những ngày nghỉ nói trên trùng vào nghỉ hằng tuần thì người lao động được nghỉ bù vào ngày kế tiếp.
  - ✓ Đặc biệt, do đặc thù của Công ty so với các đơn vị khác, nhân viên Tổng Công ty được nghỉ thêm ngày 22/12 hàng năm.
- Người lao động có 12 tháng làm việc tại công ty thì được nghỉ 12 ngày phép/năm hưởng nguyên lương. Cứ 5 năm làm việc tại Tổng Công ty, nhân viên sẽ được tăng thêm 1 ngày nghỉ phép. Nghỉ ốm, thai sản: CBCNV Tổng Công ty khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động.
- Điều kiện làm việc: Tổng Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân

viên làm việc, cụ thể, trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

❖ **Chính sách đánh giá, thăng tiến và phát triển**

*Chính sách đánh giá*

- Mọi nhân viên phải tham gia đánh giá mức độ hoàn thành công việc của mình trong năm theo quy trình theo quy định của Tổng Công ty;
- Kết quả đánh giá là yếu tố quan trọng để xem xét việc tăng lương, thưởng, khả năng thăng tiến cũng như hạ cấp hoặc thôi việc của nhân viên.

*Chính sách thăng tiến và phát triển nghề nghiệp*

- Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực;
- Những nhân viên có khả năng làm việc tốt, có khả năng thích ứng và đầy đủ các tố chất và tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tế của Tổng Công ty đều có cơ hội thăng tiến theo cấp bậc nghề nghiệp hoặc cấp bậc quản lý của Công ty.

❖ **Chính sách lương, thưởng và đãi ngộ**

*Chính sách tiền lương*

- Tổng Công ty có chế độ lương thưởng phù hợp với đặc trưng vị trí và công việc cụ thể, đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo đúng các quy định của pháp luật. Chính sách tiền lương Viettel Global xây dựng dựa trên tiêu chí công bằng, minh bạch và phù hợp với quy định của pháp luật nhằm mục tiêu khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao.
- Trong 6 tháng đầu năm 2018, mức lương bình quân của cán bộ nhân viên Viettel Global đạt 16.647.000 đồng/người.

*Chính sách thưởng*

- **Thưởng quý và thưởng năm:** Để ghi nhận sự đóng góp của CBCVN trong Tổng Công ty, hàng quý, hàng năm, CBCNV đều được nhận tiền thưởng tùy theo kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- **Thưởng sáng kiến ý tưởng:** Vào ngày thành lập Tập đoàn hàng năm, Tổng Công ty sẽ tổ chức ngày hội sáng kiến ý tưởng để khuyến khích nhân viên luôn có sự sáng tạo và đầu tư trong công việc. Những ý tưởng xuất sắc, có sáng tạo, cải tiến mang lại lợi ích cho Tổng Công ty sẽ được vinh danh và trao thưởng.
- **Thưởng khi có thành tích cao trong công việc:** Các CBCNV Viettel Global có thành tích cao trong công việc và có đóng góp vào sự phát triển cho thương hiệu Viettel toàn cầu bên cạnh việc được tuyên dương khen thưởng bằng hiện vật hoặc tiền mặt sẽ được chọn để tham dự các hội thảo, hội nghị chuyên ngành viễn thông trên thế giới (Hội nghị Di động Thế giới v.v). Chính sách này đặc biệt ưu tiên cho CBCNV người nước ngoài đang làm việc tại các Công ty con của Viettel Global. Đây là cơ hội tốt để CBCNV được học hỏi kinh nghiệm, trau dồi kiến thức cũng như được sống trải nghiệm tại một quốc gia phát triển.

### *Chính sách phúc lợi*

Chính sách phúc lợi luôn được nghiên cứu và điều chỉnh hằng năm nhằm tạo mức phúc lợi tốt nhất cho CBCNV, tạo động lực, khích lệ nhân viên đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Tổng Công ty. Một số chính sách phúc lợi chính như sau:

- **Chính sách chăm sóc sức khỏe:** Ngoài việc đảm bảo các loại bảo hiểm theo quy định của nhà nước, Tổng Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV. Ngoài ra, cán bộ nhân viên công tác ở nước ngoài sẽ được mua bảo hiểm toàn cầu.
- **Chính sách du lịch nghỉ dưỡng:** Toàn bộ CBCNV được nghỉ 5 ngày (tính cả thứ 7 và chủ nhật), không tính trong thời gian nghỉ phép và được hưởng mức trợ cấp tối đa là 9.000.000/người. Đặc biệt, CBCNV được đăng ký nghỉ bất kỳ thời gian nào trong năm, thay vì chỉ nghỉ trong đợt hè như những công ty khác. Chính sách này được đưa ra nhằm chăm lo nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV, tạo điều kiện để người lao động được nghỉ ngơi, tái tạo sức lao động.
- **Chính sách đặc biệt dành cho người thân của CBCNV:** Đề động viên CBCNV khắc phục khó khăn và yên tâm công tác, Tổng Công ty luôn có các chế độ, chính sách kịp thời hỗ trợ đến người thân của CBCNV khi ốm đau, điều trị tại bệnh viện; bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt; gặp bệnh hiểm nghèo, hiểm muộn...

### **11. Chính sách cổ tức:**

Tổng công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Tổng công ty và các văn bản pháp lý liên quan.

- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng Công ty. Tổng Công ty chi trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.
- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phần của Tổng Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông. Các thủ tục liên quan đến chi trả cổ tức được Tổng Công ty thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật.

Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Viettel Global như sau:

**Bảng 8 . Tình hình chi trả cổ tức các năm gần nhất**

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	Phương thức chia cổ tức	Ghi chú
2012	15%	Bằng tiền	Đã thanh toán
2013	15%	Bằng tiền	Đã thanh toán
2014	10%	Bằng tiền	Đã thanh toán
2015	10%	Bằng tiền	Đã thanh toán

<b>2016</b>	Không trả cổ tức	-	Không trả cổ tức theo sự nhất trí của Đại hội Đồng Cổ đông
<b>2017</b>	Không trả cổ tức	-	Không trả cổ tức theo sự nhất trí của Đại hội Đồng Cổ đông

(Nguồn: Viettel Global)

## 12. Tình hình tài chính:

### 12.1. Trích khấu hao TSCĐ

Viettel Global tiến hành trích khấu hao theo đúng quy định của nguyên tắc kế toán. Tài sản cố định được Viettel Global khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tình hình khấu hao TSCĐ tại Tổng công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị: 04 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 04 - 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 03 - 05 năm

### 12.2. Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn

Viettel Global luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ đến hạn.

### 12.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Viettel Global thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước, luôn thanh toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo luật định. Chủ yếu bao gồm thuế viễn thông và các loại thuế, phí, lệ phí và thuế khác.

#### **Bảng 9. Thuế và các khoản khác phải nộp Ngân sách Nhà nước Hợp nhất**

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Thuế GTGT	45.921	63.051	50.638
2	Thuế xuất, nhập khẩu	-	296	2.315
3	Thuế TNDN	39.124	185.238	75.398
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	34.914	59.579	55.004
5	Thuế TNCN	39.624	47.456	21.626
6	Thuế nhà thầu	92.005	158.575	204.285
7	Các loại thuế khác và các khoản phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	128.200	220.240	182.899
<b>Tổng cộng</b>		<b>379.788</b>	<b>734.435</b>	<b>592.165</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2018 của Tổng Công ty)

### 12.4. Trích lập các quỹ theo luật định

#### **Bảng 10. Số dư các Quỹ Hợp nhất**

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.454	28.857	14.871
2	Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính	1.528.271	1.527.975	1.527.975
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.538.725</b>	<b>1.556.832</b>	<b>1.542.846</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2018 của Tổng Công ty)

Việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ phù hợp với Điều lệ, Quy chế tài chính của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

## 12.5. Vay và nợ thuê tài chính của Tổng Công ty

### Bảng 11. Vay và nợ thuê tài chính Hợp nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>11.089.450</b>	<b>11.912.895</b>	<b>10.665.014</b>
1	Vay ngắn hạn	6.188.978	6.646.930	6.489.231
2	Vay dài hạn đến hạn trả	4.900.472	5.265.966	4.175.783
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>10.009.185</b>	<b>7.982.990</b>	<b>9.259.658</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>21.098.635</b>	<b>19.895.885</b>	<b>19.924.672</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2018 của Tổng Công ty)

## 12.6. Tình hình công nợ

### ❖ Công nợ phải thu

### Bảng 12. Tình hình Công nợ phải thu Hợp nhất

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>5.973.371</b>	<b>7.257.854</b>	<b>7.379.376</b>
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	3.021.204	4.383.159	4.563.888
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.608.104	721.173	847.752
3	Phải thu ngắn hạn khác	1.399.714	2.450.591	2.283.746
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(56.204)	(347.732)	(365.221)
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	553	50.663	49.211
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>4.926.842</b>	<b>10.087.172</b>	<b>11.803.649</b>
1	Phải thu dài hạn của khách	4.808.373	8.133.956	8.305.179



STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
	hàng			
2	Phải thu về cho vay dài hạn	-	1.828.717	3.422.604
3	Phải thu dài hạn khác	118.469	124.499	75.866
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.900.213</b>	<b>17.345.026</b>	<b>19.183.025</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2018 của Tổng Công ty)

Các khoản phải thu tăng chủ yếu do Tổng Công ty tài trợ vốn cho dự án viễn thông tại Myanmar thông qua việc cho vay cổ đông; bán vật tư, thiết bị chậm trả.

❖ **Công nợ phải trả**

**Bảng 13. Tình hình Công nợ phải trả**

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>17.971.195</b>	<b>21.959.384</b>	<b>20.444.136</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	4.788.757	6.204.956	6.100.205
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.716	295.504	288.641
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	379.788	734.435	592.165
4	Phải trả người lao động	187.059	260.584	154.238
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.158.808	1.886.809	2.123.910
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	27.494	26.525
7	Phải trả ngắn hạn khác	350.163	602.117	472.882
8	Vay và thuê nợ tài chính ngắn hạn	11.089.450	11.912.895	10.665.014
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	5.733	5.685
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.454	28.857	14.871
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>10.511.248</b>	<b>11.548.706</b>	<b>12.908.590</b>
1	Phải trả người bán dài hạn	332.087	2.891.998	3.005.560
2	Chi phí phải trả dài hạn	4.425	-	-
3	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	94.262	271.307	283.456
4	Phải trả dài hạn khác	8.350	17.347	20.987
5	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.009.185	7.982.990	9.259.658
6	Thuế thu nhập hoãn lại phải	62.939	364.002	317.131

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
	trả			
7	Dự phòng phải trả dài hạn	-	21.062	21.798
	<b>Tổng cộng (1+2)</b>	<b>28.482.443</b>	<b>33.508.090</b>	<b>33.352.726</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2018 của Tổng Công ty)

## 12.7. Đầu tư tài chính ngắn và dài hạn

**Bảng 14. Đầu tư tài chính ngắn và dài hạn**

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
<b>I</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5.874.859</b>	<b>3.971.500</b>	<b>2.471.500</b>
	Tiền gửi có kỳ hạn	5.874.859	3.971.500	2.471.500
<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>3.806.551</b>	<b>3.508.696</b>	<b>3.638.354</b>
1	Đầu tư vào công ty liên kết	2.806.551	3.508.697	3.638.354
	<i>Công ty TNHH Viễn thông Star</i>	982.521	986.621	1.136.101
	<i>Công ty TNHH Metcom</i>	148.266	142.487	142.990
	<i>Công ty TNHH Myanmar National Tele &amp; Communications</i>	1.675.764	2.379.588	2.359.263
2	Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.681.410</b>	<b>7.480.196</b>	<b>6.109.854</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2018 của Tổng Công ty)

## 12.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng Công ty

**Bảng 15. Chỉ tiêu tài chính**

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	lần	1,17	0,85
	Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	lần	0,90	0,67
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,61	0,64
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,55	1,82
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	%	32,72	38,50
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,68	3,33
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	-22,35	-2,53
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	-13,78	-1,80
	Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	-5,41	-0,67
	Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-19,34	0,33

(Nguồn: Tính toán từ BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 của Tổng Công ty)

### 13. Tài sản

**Bảng 16. Cơ cấu tài sản tại ngày 31/12/2017**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>25.230.311</b>	<b>12.420.781</b>	<b>49,23%</b>
<b>1</b>	Nhà cửa, vật kiến trúc	288.597	246.592	85,45%
<b>2</b>	Máy móc thiết bị	22.769.031	11.293.623	49,60%
<b>3</b>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.208.113	601.071	49,75%
<b>4</b>	Thiết bị, dụng cụ quản lý	964.571	279.495	28,98%
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>2.854.567</b>	<b>2.032.755</b>	<b>71,21%</b>
<b>1</b>	Quyền sử dụng đất	1.185	1.185	100,00%
<b>2</b>	Bản quyền, bằng sáng chế	-		
<b>3</b>	Phần mềm máy tính	824.087	597.791	72,54%

TT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá
4	Giấy phép kinh doanh viễn thông	2.029.295	1.433.779	70,65%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>28.084.878</b>	<b>14.453.536</b>	<b>51,46%</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 của Tổng Công ty)

**Bảng 17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
1	Mua sắm	-	32.836	22.267
2	Xây dựng cơ bản	2.860.014	3.200.168	2.412.629
3	Sửa chữa	485	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.860.499</b>	<b>3.233.004</b>	<b>2.434.896</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017 và BCTC hợp nhất tự lập Quý I/2018 của Tổng Công ty)

#### 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Mục tiêu của Viettel Global trong năm 2018 về doanh thu và lợi nhuận trước thuế đã được Đại hội Đồng Cổ đông 2018 của Tổng Công ty thông qua như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất kế hoạch năm 2018 dự kiến đạt 20.977.548 triệu đồng. Doanh thu dịch vụ viễn thông từ các thị trường dự kiến tiếp tục tăng trưởng tốt so với năm 2017. Trong đó, 2 thị trường có tốc độ tăng trưởng mạnh là Tanzania tăng 70,61%; Burundi tăng 21,4%. Các thị trường còn lại đều có tỷ lệ tăng trưởng doanh thu khá, như: Haiti tăng 14,4%; Lào tăng 13,45%; Đông Timor tăng 10,8%; Campuchia tăng 8,9%.
- Tiếp tục duy trì lợi nhuận trước thuế hợp nhất dương dự kiến đạt 49.722 triệu đồng, tăng 85,72% so với thực hiện năm 2017 ngay cả khi phải tập trung chi phí lớn tại thị trường mới Myanmar nhằm mục đích đầu tư hạ tầng mạng lưới và bắt đầu kinh doanh trong quý 2/2018.
- Tăng trưởng khách hàng là 15% so với năm 2017, đưa tổng số lượng khách hàng ở nước ngoài đạt 45 triệu.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019 (*)	
	Giá trị	% tăng/giảm so với năm 2017	Giá trị	% tăng/giảm so với năm 2018
Vốn điều lệ	30.438	35,65%	-	-
Doanh thu thuần	20.977.548	10,3%	-	-
Lợi nhuận trước	49.722	85,72%	-	-

thuế				
Tỷ lệ LNTT/DTT (%)	0,24%	-	-	-
Tỷ lệ LNTT/VĐL (%)	163,4%	-	-	-
Cổ tức	0%	-	-	-

(Nguồn: Tổng Công ty)

(\*) Kế hoạch kinh năm 2019 hiện tại chưa được Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel xây dựng.

Nguyên nhân chính khi Tổng Công ty đặt ra mục tiêu tăng trưởng 85,72% lợi nhuận trước thuế trong khi doanh thu thuần tăng trưởng 10,3% đến từ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (không gồm chênh lệch tỷ giá) của các thị trường có sự tăng trưởng vượt do đã tối ưu, bù đắp được chi phí. Trong đó: thị trường Haiti tăng 92%, Mozambique tăng 137%, Burundi tăng 1.726%, Tanzania tăng 72%, Đông Timor tăng 19,6%.

❖ **Căn cứ để đạt mức doanh thu, lợi nhuận đề ra**

*Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2018:*

- Lấy hiệu quả tài chính làm trung tâm, tất cả các thị trường đã kinh doanh ổn định đều đạt lợi nhuận dương (trừ 2 thị trường mới kinh doanh là Tanzania và Myanmar).
- Hoàn thành xây dựng hạ tầng mạng lưới và khai trương, đưa vào kinh doanh chính thức dịch vụ di động tại Myanmar.
- Mở rộng vùng phủ 4G tại thị trường Lào. Triển khai mạng 4G tại thị trường Haiti, Tanzania và Cameroon.
- Giữ vững ngôi vị đứng đầu tại các thị trường hiện đang đứng vị trí số 1. Đẩy mạnh phát triển thuê bao, mục tiêu thuê bao tại các thị trường đạt được ~ 20% dân số tại thị trường. Bùng nổ thuê bao 4G tại các thị trường đủ các điều kiện để phát triển như Lào, Campuchia.
- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ viễn thông cho các tổ chức, Chính phủ, đặc biệt là kinh doanh dịch vụ ví điện tử tại các thị trường tiềm năng như Burundi, Mozambique, Tanzania.

*Giải pháp thực hiện*

- Tập trung điều hành quyết liệt ngay từ tháng đầu, quý đầu để tạo đà tăng trưởng cho các tháng cuối năm, phấn đấu hoàn thành mục tiêu năm 2018.
- Tổ chức kinh doanh đến từng trạm. Coi mỗi trạm là một dự án kinh doanh để tập trung bán hàng, khai thác hiệu quả hơn trên từng trạm.
- Các thị trường tập trung thực hiện chiến lược đẩy mạnh kinh doanh tại thành thị, hướng tới tập khách hàng “giàu – ARPU cao”. Đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm mới như thanh toán điện tử, giải pháp CNTT; Tập trung phát triển thuê bao data, lấy data làm lợi thế cạnh tranh thu hút thuê bao.
- Kinh doanh đặt mục tiêu hiệu quả lên hàng đầu. Lấy KPI tài chính làm trung tâm, đầu tư trên cơ sở cân đối với chi phí.

- Đẩy mạnh truyền thông hình ảnh thương hiệu của các công ty thị trường trên phương tiện truyền thông quốc tế, các trang thông tin uy tín của ngành viễn thông.
- Tổ chức giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình hoạt động giữa các thị trường trong cùng khu vực.
- Xây dựng hệ thống CNTT quản lý tập trung một cách đơn giản, thông minh và hiệu quả, giúp cho quá trình điều hành và giám sát các dự án được thực hiện một cách toàn trình, liên tục, giúp chuyển giao tri thức - tối ưu chi phí và tăng năng suất lao động.
- Thuê các Công ty tư vấn luật và kiểm toán có uy tín một cách thường xuyên và liên tục, giúp cho Công ty VTG mẹ và các Công ty thị trường kinh doanh trên cơ sở thượng tôn pháp luật. Mặt khác tổ chức bộ máy kiểm soát nội bộ xuyên suốt từ Tổng Công ty tới các Công ty thị trường, nhằm giảm thiểu các rủi ro về pháp lý có thể gặp phải.

❖ **Đánh giá kết quả kinh doanh**

Trong quý đầu tiên của năm 2018, doanh thu thuần của Viettel Global đạt 3.943 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước và đạt 18,8% kế hoạch doanh kinh doanh năm 2018 đề ra. Tuy nhiên, do giá vốn giảm mạnh nên lợi nhuận gộp tăng lên đến 42%, từ 637 tỷ lên 904 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế trong quý I năm 2018 đạt 13.902 triệu đồng, đạt 28% kế hoạch kinh doanh năm 2018 đề ra.

Diễn biến tỷ giá tích cực tác động đáng kể đến hiệu quả kinh doanh của Viettel Global. Lãi chênh lệch tỷ giá tăng mạnh từ 13 tỷ lên 428 tỷ đồng. Đến 31/03/2018, Viettel đã phân bổ hết các khoản lỗ tỷ giá vẫn còn treo trên Bảng cân đối kế toán trong giai đoạn trước.

Dòng tiền thuần trong quý I/2018 từ hoạt động kinh doanh của Viettel Global là 685 tỷ đồng – tăng rất mạnh so với con số gần 5 tỷ đồng của cùng kỳ năm trước. Dòng tiền này đủ để bù đắp cho các khoản chi đầu tư. Theo đó, quý I/2018, Viettel Global có dòng tiền thuần dương gần 40 tỷ đồng.

Với biến động tích cực từ hoạt động kinh doanh chính cũng như hoạt động tài chính, Viettel Global đạt 13,9 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong quý I/2018.

**Một số giải pháp để hoàn thành kế hoạch mục tiêu trong năm 2018:**

- Về mặt kinh doanh:
  - ✓ Các thị trường chuyển dịch hướng tới khách hàng, lấy khách hàng làm trọng tâm, chọn đúng đối tượng khách hàng để có chính sách chăm sóc và gìn giữ phù hợp. Tôn trọng, hiểu đối thủ ở từng phân khúc khách hàng, từng khu vực. Đẩy mạnh chuyển dịch data coi data là nguồn tăng trưởng chính.
  - ✓ Thực hiện tốt công tác tối ưu hoạt động đầu tư, quy hoạch mạng lưới, vận hành khai thác... (chi phí hoạt động) từ đó tối ưu hóa giá thành sản phẩm là “gốc” để đạt được hiệu quả kinh doanh.
- Về mặt quản lý và đào tạo nhân sự:
  - ✓ Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân sự tại thị trường.

- ✓ Định nghĩa lại toàn bộ chức danh của người Việt Nam tại thị trường. Mục tiêu người Việt Nam thực sự đảm nhận vai trò chuyên gia trong từng lĩnh vực quản lý.
- Về mặt xã hội: Tăng cường mối quan hệ hợp tác với Chính phủ, đối tác nước sở tại để tạo điều kiện tốt cho hoạt động kinh doanh tại thị trường.

❖ **Kế hoạch tăng vốn điều lệ:**

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2018, Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel có kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 22.438.112.000.000 đồng lên tối đa 30.438.112.000.000 đồng, bằng việc phát hành riêng lẻ cổ phiếu phổ thông cho nhà đầu tư chiến lược là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội, cụ thể như sau:

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Vốn điều lệ trước phát hành: 22.438.112.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm: 800.000.000 cổ phần
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: Tối đa 30.438.112.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Tổng số cổ phần hiện tại: 35,7%
- Hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán
- Tiêu chí lựa chọn cổ đông chiến lược: là các tổ chức/cá nhân có khả năng tài chính và hỗ trợ được hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty
- Danh sách nhà đầu tư chiến lược được chào bán: Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần (bằng mệnh giá)
- Phương án xử lý cổ phiếu không bán hết:
  - Ủy quyền HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác với các điều kiện không thấp hơn điều kiện chào bán ban đầu, đảm bảo không vượt phạm vi đợt chào bán riêng lẻ này và tuân thủ các quy định pháp luật
  - Ủy quyền HĐQT xác định tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư tham gia đợt chào bán bổ sung, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của pháp luật
  - Ủy quyền HĐQT lựa chọn nhà đầu tư tham gia đợt chào bán bổ sung, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của pháp luật và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp tiếp theo.
- Số tiền dự kiến huy động được: 8.000.000.000.000 đồng (Tám nghìn tỷ đồng)
- Mục đích sử dụng vốn: tăng quy mô vốn hoạt động phù hợp với nhu cầu vốn đầu tư của các dự án đầu tư của Viettel Global đến hết năm 2020.

**15. Thông tin bổ sung về những cam kết của Tổng công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất...)**

Không có

**16. Chiến lược định hướng phát triển kinh doanh của Tổng công ty:**

**a) Mục tiêu chiến lược:**

Trong giai đoạn sắp tới, Tổng Công ty đã xây dựng, đề ra mục tiêu chiến lược để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, trong đó tập trung vào các mục tiêu chính:

- Phát triển, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại các dự án đầu tư nhằm đảm bảo thời gian hoàn vốn dự án dự kiến từ 9-13 năm trước hạn hết giấy phép kinh doanh 2 năm;
- Hướng đến xây dựng Tập đoàn Viettel ở top 20 doanh nghiệp viễn thông hàng đầu thế giới;
- Xây dựng chiến lược kinh doanh theo bám sát được chuyển dịch cơ cấu doanh thu theo xu hướng chung của ngành viễn thông: Nâng tỷ trọng dịch vụ mới ngoài di động trong cơ cấu doanh thu;
- Phát triển công ty thị trường theo hướng công ty chuyên về dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu khách hàng (Big data), đồng thời nâng cơ cấu doanh thu đến từ cơ sở dữ liệu (Data) lên chiếm tối thiểu 50%.

**b) Các chiến lược chính**

Song song với việc đảm bảo giữ vững thị phần thuê bao hiện đang khai thác tại các thị trường cũ, Công ty đã xây dựng chiến lược để phát triển thị phần ở các thị trường mới nhằm tạo ra mức tăng trưởng đột phá, cụ thể:

- **Chuyển dịch chiến lược về quản lý:** Công ty đã tiến hành xây dựng hệ thống KPI dựa trên các tiêu chí để hoàn vốn đầu tư ở các dự án. Đồng thời, Công ty có những chiến lược trao đổi tri thức, tận dụng nguồn nhân lực giữa các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội Viettel, trao đổi kinh nghiệm điều hành kinh doanh, quản lý viễn thông giữa các thị trường của Công ty trên toàn cầu. Cụ thể:
  - Viettel Global đã tối ưu mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn bộ máy của công ty, thực hiện đúng các chức năng của chủ đầu tư, chịu trách nhiệm về pháp lý, quyết định về chiến lược, kế hoạch, tài chính, xây dựng các KPIs quản lý toàn diện, giám sát hoạt động của các công ty con tại nước ngoài nhằm đảm bảo sớm phát hiện các vấn đề về hiệu quả hoạt động để có biện pháp xử lý kịp thời.
  - Đối với hoạt động kinh doanh tại thị trường, Viettel Global thực hiện thuê ngoài dịch vụ quản lý, vận hành theo các mục tiêu, kế hoạch đề ra. Đơn vị thực hiện là Tổng Công ty Viễn thông Viettel.
- **Chiến lược số hóa (digital transformation):** Công ty xác định đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi mặt của hoạt động kinh doanh để tăng trải nghiệm cho người dùng và tiết kiệm chi phí, rút gọn thời gian xử lý lỗi và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp.
- **Tập trung đa dạng hóa dịch vụ cung cấp tới khách hàng bắt nhịp xu hướng toàn cầu**  
Công ty xây dựng chiến lược phát triển theo hướng chuyển dịch từ nhà cung cấp dịch vụ Internet (Internet Services Provider) sang hướng phát triển nội dung dịch vụ cung cấp (Content Services Provider), tiến tới xây dựng một hệ sinh thái khép kín nhằm cung cấp đa dạng dịch vụ cho khách hàng, phát triển được doanh thu mới thay thế cho các dịch vụ có xu hướng bão hòa.
- **Chuyển dịch chiến lược về tập khách hàng**



Bên cạnh tập khách hàng cá nhân, công ty cũng hướng tới mở rộng tập khách hàng doanh nghiệp, chính phủ. Để làm được điều đó, Công ty xây dựng, thiết kế ra các sản phẩm công nghệ thông tin đa dạng, phù hợp với nhu cầu và đặc trưng của từng thị trường và khu vực.

▪ **Chuyển dịch chiến lược tối ưu hóa đầu tư**

Để có thể có những khoản đầu tư thành công, Công ty luôn tiến hành khảo sát, nghiên cứu thị trường kỹ lưỡng và chỉ quyết định tiến hành đầu tư vào các thị trường tiềm năng và có các tiêu chí sau:

- Khả năng lấy được tần số: Tiến hành đầu tư khi khả năng nắm giữ tần số trong top 3 các nhà mạng với khả năng triển khai các công nghệ phổ biến như 2G, 3G, 4G
- Kết quả đánh giá khả năng tăng trưởng của thị trường, khả năng chiếm lĩnh thị phần, dự phóng giá thành sản phẩm khả quan trước khi tiến hành đầu tư. Trong đó, Công ty tập trung vào việc đánh giá sức mua của thị trường (dựa vào ARPU của các nhà mạng hiện tại phải trên mức 3 USD/thuê bao) và nghiên cứu các chính sách về thuế, chính sách đầu tư của các chính phủ ở các thị trường đầu tư.

Trong giai đoạn 2018-2020, Công ty đề ra mục tiêu phát triển mới ở 1-2 thị trường với mục tiêu lấy 01 giấy phép/năm. Trong đó, Công ty tập trung vào thị trường Châu Á do những tương đồng về văn hóa, thuận lợi cho công tác quản lý.

- **Chiến lược chi phí thấp để có giá thành tốt:** Để tạo lợi thế cạnh tranh về giá, Công ty cố gắng tối ưu hóa chi phí để đảm bảo giá dịch vụ cung cấp cho khách hàng cạnh tranh. Để làm được điều đó, Công ty đã xây dựng các tiêu chí tối ưu hóa các hạng mục đầu tư, tiết giảm chi phí hoạt động và chi phí nhân sự.

▪ **Chiến lược đặc trưng theo khu vực**

Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển cụ thể theo từng khu vực:

**Châu Phi:**

Châu Phi đang là thị trường tiềm năng để phát triển khách hàng sử dụng data và dịch vụ ví điện tử.

Theo số liệu dự báo của GSMA, tốc độ phủ sóng điện thoại thông minh ở khu vực Châu Phi tăng mạnh nhất so với các khu vực khác trên thế giới và được dự báo tăng đến 104% vào 2020.

Tổng Công ty có chiến lược phát triển dịch vụ ví điện tử ở khu vực này do có những lợi thế cạnh tranh như (1) Kênh phân phối rộng khắp, lợi thế hơn đối thủ tại các khu vực nông thôn; (2) Khả năng tự xây dựng hệ thống ví với tính năng tương đương đối thủ; (3) Giá dịch vụ cung cấp sẽ cạnh tranh hơn đối thủ khoảng 30%.

**Châu Á:**

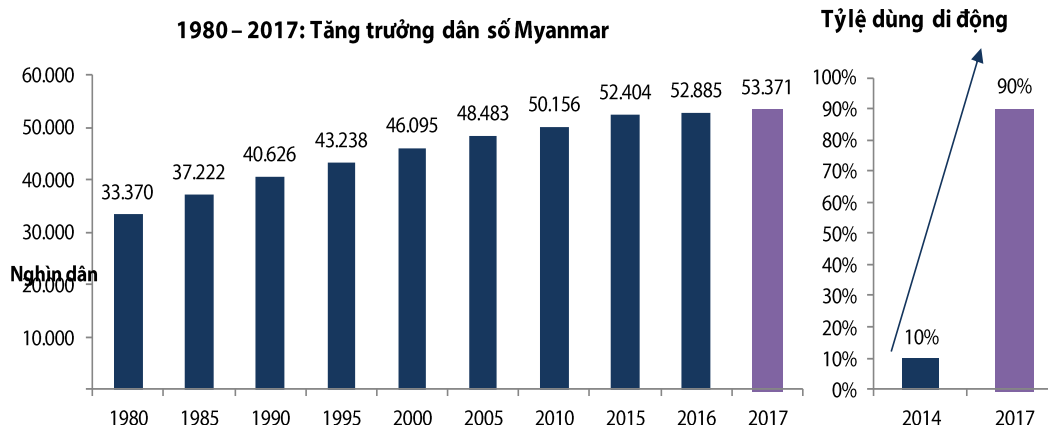
Công ty xây dựng chiến lược cố gắng duy trì vị thế dẫn đầu thị trường không chỉ về thuê bao data mà còn dẫn dắt về công nghệ, mở rộng kinh doanh sang khách hàng doanh nghiệp đối với các thị trường Campuchia, Lào và Timor.

**Myanmar:**

Công ty xác định đây là thị trường tiềm năng để phát triển thuê bao, giúp Viettel Global tăng trưởng trong những năm tới.

*Tại Myanmar Viettel có nhiều điểm sáng và cơ hội để phát triển:*

Myanmar là quốc gia có quy mô dân số lớn nhất mà Viettel Global đã đầu tư (khoảng 53 triệu dân) và người dân của đất nước này đã bắt đầu quen với việc sử dụng điện thoại di động (tỷ lệ sử dụng di động năm 2017 lên đến 90%).



Bên cạnh đó, do mới mở cửa thị trường, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Myanmar khá cao (dự báo năm 2018 đạt 6,8% theo WorldBank). Từ một quốc gia có tỷ lệ sử dụng điện thoại di động thấp nhất thế giới (chỉ sau Triều Tiên), sau khi mở cửa, tỷ lệ SIM di động/người dân tăng từ 10% lên gần 90% chỉ sau 3 năm; tổng số lượng thuê bao data tăng từ 600.000 lên tới hơn 16 triệu. Theo đánh giá của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Myanmar có thể tăng quy mô nền kinh tế lên gấp 4 lần, lên 200 tỷ USD vào năm 2030.

Hơn thế nữa, đây là thị trường có các chính sách của chính phủ ưu tiên cho nhà mạng mới: có quy định giá sàn và cho phép nhà mạng mới được khuyến mại cao hơn nhà mạng cũ (mức giảm 70% so với 40%). Mật độ xâm nhập thuê bao register/dân số Myanmar mới đạt 60%, vẫn thấp hơn nhiều các nước trong khu vực, 2G đang suy giảm nhưng thuê bao 3G+4G vẫn đang tăng trưởng. Tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh đang tăng dần. Những điều kiện trên tạo cơ hội tăng trưởng lớn cho Tập đoàn tại thị trường này.

Chiến lược của Tổng Công ty tại Myanmar là tập trung phát triển theo hướng D-A-T-A; trong đó, D là D-igital & New services (nền tảng số hóa và dịch vụ mới); A là A-dvanced Technology (công nghệ cao); T là T-rustworthy (lòng tin, sự minh bạch); A là A-ffordable & Various (giá cước tốt nhất, dịch vụ đa dạng).

Trong giai đoạn đầu, Mytel sẽ tập trung phát triển số lượng khách hàng, cùng với đó là phát triển dịch vụ liên quan đến cung cấp dữ liệu như cung cấp dịch vụ mạng 4G phủ rộng khắp và cước phí dịch vụ hấp dẫn. Mục tiêu dài hạn của Viettel Global đến năm 2020 là phục vụ được khoảng 5,5 triệu thuê bao, tương đương 10% dân số Myanmar.

Số liệu thực tế chứng minh, Myanmar là một trong ba thị trường thành công nhất của Viettel Global tính đến thời điểm hiện nay. Mytel (liên doanh của Viettel Global tại Myanmar) đã vượt mốc 1 triệu thuê bao sau chỉ 10 ngày khai trương và chiếm 50% cơ sở hạ tầng cáp quang (7.000 trạm 2G/3G/4G và 30.000 km cáp quang), vượt trội hơn 3 nhà mạng viễn thông trước đó tại Myanmar sử dụng hệ thống truyền dẫn viba. Vì vậy, Tổng Công ty tin tưởng chiến lược phát triển đã đề ra sẽ thành công tại thị trường này.

### Châu Mỹ:

Tại Haiti, Natcom đang chiếm ưu thế về mạng lưới kênh phân phối rộng khắp, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đã được ứng dụng và đưa vào điều hành, quản lý kinh doanh.

Dựa vào những ưu điểm đó, Tổng Công ty sẽ tập trung phát triển dịch vụ cố định băng rộng và giữ thị phần ở mức an toàn, đồng thời xây dựng các nguồn doanh thu mới từ dịch vụ chuyên tiền quốc tế, dịch vụ về an ninh an toàn.

## II. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY:

### 1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Kế toán trưởng

STT	Tên	Chức vụ	Ghi chú
<b>I. Thành viên Hội đồng Quản trị</b>			
1	<b>Ông Lê Đăng Dũng</b>	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	TV HĐQT không điều hành
2	<b>Ông Hoàng Sơn</b>	Phó Chủ tịch HĐQT	TV HĐQT không điều hành
3	<b>Ông Nguyễn Thanh Nam</b>	Thành viên HĐQT	TV HĐQT điều hành
4	<b>Ông Tào Đức Thắng</b>	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
5	<b>Bà Đào Thúy Hương</b>	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
6	<b>Ông Phan Thanh Sang</b>	Thành viên HĐQT	TV HĐQT điều hành
7	<b>Ông Hoàng Văn Ngọc</b>	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
<b>II. Thành viên ban kiểm soát</b>			
1	<b>Ông Phạm Hoàng Điệp</b>	Trưởng Ban Kiểm soát	
2	<b>Bà Quán Thị Thu Hà</b>	Thành viên Ban Kiểm soát	
3	<b>Ông Lê Quang Tiệp</b>	Thành viên Ban Kiểm soát	
<b>III. Ban Điều hành</b>			
1	<b>Ông Đỗ Mạnh Hùng</b>	Tổng Giám đốc	
2	<b>Ông Nguyễn Cao Lợi</b>	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	
3	<b>Ông Nguyễn Thanh Nam</b>	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	
4	<b>Ông Nguyễn Đức Quang</b>	Phó Tổng Giám đốc	
<b>IV. Kế toán trưởng</b>			



STT	Tên	Chức vụ	Ghi chú
-----	-----	---------	---------

1 Ông Nguyễn Cao Lợi Kế toán trưởng

❖ **Hội đồng quản trị**

• **Ông Lê Đăng Dũng – Chủ tịch HĐQT.**

Số CMND: 83207303

Cấp ngày: 15/12/2009 do Bộ Quốc phòng cấp

Giới tính: Nam

Năm sinh: 10/04/1959

Nơi sinh: Quảng Trị

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Nguyễn Chí Thanh, Ba Đình, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành điện tử viễn thông

Quá trình công tác:

01/11/1996 đến 20/11/1999

Công tác tại Ban Viễn thông - Phòng Kỹ thuật TCT - Tổng Công ty Điện tử thiết bị thông tin, nay là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

22/11/1999 đến 01/06/2000

Phụ trách phòng - Phòng Đầu tư phát triển TCT - Khối Cơ quan Tổng Công ty Điện tử thiết bị thông tin, nay là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

02/06/2000 đến 30/11/2002

Phụ trách phòng - Phòng Đầu tư phát triển TCT - Tổng Công ty Điện tử thiết bị thông tin, nay là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

01/12/2002 đến 31/03/2010

Phó Tổng Giám đốc - Ban Giám đốc TCT - Công ty Viễn thông Quân đội, nay là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

01/04/2010 đến 09/12/2012

Phó Tổng Giám đốc - Tập đoàn Viễn thông Quân đội, nay là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

10/12/2012 đến 05/01/2018

Phó Tổng Giám đốc - Tập đoàn Viễn thông Quân đội, nay là Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội



25/04/2014 đến nay	Thành viên HĐQT của Tổng Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (Vinaconex)
05/01/2018 đến 09/08/2018	Tổng Giám đốc - Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel
15/06/2018 đến nay	Chủ tịch HĐQT – Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel
30/07/2018 đến nay	Phụ trách Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty	Chủ tịch HĐQT – Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel;
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phụ trách Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam (Vinaconex)
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	26.300 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	1.328.527.440 cổ phần, chiếm 59,2% vốn điều lệ Đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	Số lượng cổ phiếu của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội tại Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel là 2.214.212.400 cổ phần, chiếm 98.68% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
<b>• Ông Hoàng Sơn – Phó Chủ tịch HĐQT</b>	
Số CMND:	010311107
Cấp ngày:	07/01/2004 tại CA TP.Hà Nội
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	02/01/1962
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	D4B TT Nam Đồng, Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành vô tuyến điện tử
Quá trình công tác:	
01/06/2004 đến 20/03/2007	Phó Giám đốc Kỹ thuật - Khối cơ quan Công ty điện thoại di động
21/03/2007 đến 31/07/2018	Phó Giám đốc Kỹ thuật – Khối cơ quan Công ty Viettel Telecom
01/08/2008 đến 31/01/2009	Giám đốc Công ty -Khối cơ quan Công ty Viettel Telecom
01/02/2009 đến 31/03/2010	Giám đốc Công ty-Khối cơ quan Công ty Viễn thông
01/04/2010 đến 31/07/2013	Giám đốc Công ty - Tổng Công ty Viễn thông Viettel
01/08/2013 đến 30/04/2014	Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Viễn thông Viettel
01/05/2014 đến nay	Phó Tổng Giám đốc - Khối cơ quan Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
25/05/2017 đến nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Viettel - ICT
18/06/2018 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc - Khối cơ quan Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội; Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Viettel - ICT
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	72.300 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	Số lượng cổ phiếu của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội tại Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel là 2.214.212.400 cổ phần, chiếm 98,68% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng	Không



Công ty:

- **Ông Nguyễn Thanh Nam – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty**

Số CMND: 013445706

Cấp ngày: 13/07/2011 tại CA Hà Nội

Giới tính: Nam

Năm sinh: 04/06/1969

Nơi sinh: Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 25 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành điện tử viễn thông

Quá trình công tác:

1/10/1990 đến 30/06/1997 Khoa Cơ sở, Trường Trung cấp KTTT, Bộ Tư lệnh Thông tin

01/07/1997 đến 07/03/2010 Giám đốc Công ty - Công ty Truyền dẫn (mô hình TCT)

08/03/2010 đến 31/03/2010 Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch TCT - Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel (mô hình TCT)

01/04/2010 đến 05/05/2014 Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội

06/05/2014 đến 15/11/2015 Tổng Giám đốc - Tổng Công ty mạng lưới Viettel

16/11/2015 đến 31/01/2017 Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel

01/02/2017 đến nay Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel

04/02/2017 đến nay Tổng Giám đốc - Telecom International Myanmar Co.,Ltd

18/06/2018 đến nay Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel

Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc - Công ty Telecom International Myanmar Co.,Ltd

Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	16.200 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	442.842.480 cổ phần, chiếm 19,74% vốn điều lệ Đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

• **Ông Tào Đức Thắng – Thành viên HĐQT**

Số CMND:	90A082023470
Cấp ngày:	22/12/2008
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	15/07/1973
Nơi sinh:	Thanh Hóa
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	P308-CT5-ĐN1 khu đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành điện tử viễn thông
Quá trình công tác:	
01/10/1995 đến 31/12/1995	Chuyên viên Phòng Quản lý Kỹ thuật - Công ty Điện thoại Hà Nội
01/01/1998 đến 31/07/2005	Chuyên viên Phòng Quản lý Viễn thông, Bru điện Hà Nội
01/08/2005 đến 19/09/2007	Phó Giám đốc Phụ trách trung tâm-Ban Giám đốc TT ĐHKT – Công ty Viettel Telecom-Trung tâm Điều hành Kỹ thuật - Tổng Công ty Viễn thông Viettel (mô hình TCT)
20/09/2007 đến 14/08/2008	Giám đốc Trung tâm Phụ trách trung tâm-Ban Giám đốc TT ĐHKT - Cty Viettel Telecom-Trung tâm



	Điều hành Kỹ thuật - Tổng Công ty Viễn thông Viettel (mô hình TCT)
15/08/2008 đến 31/03/2010	Phó Giám đốc - Tổng Công ty Viễn thông Viettel
01/04/2010 đến 31/07/2013	Giám đốc - Tổng Công ty mạng lưới Viettel
01/08/2013 đến 30/04/2014	Tổng giám đốc - Tổng Công ty mạng lưới Viettel
01/05/2014 đến 02/06/2015	Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
03/06/2015 đến nay	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
09/06/2018 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Tư vấn Thiết kế, Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công ty Tư vấn Thiết kế, Chủ tịch HĐQT Công ty Công trình
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	57.800 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
<b>• Bà Đào Thúy Hương – Thành viên HĐQT</b>	
Số CMND:	45A891154725
Cấp ngày:	01/05/2002 tại Bộ Tư Lệnh Thông tin liên lạc
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	29/09/1969
Nơi sinh:	Bắc Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Địa chỉ thường trú:	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành kinh doanh và quản lý
Quá trình công tác:	
01/12/1991 đến 31/10/2005	Nhân viên Tài chính Trợ lý nghiệp vụ-Phòng Tài chính TCT- TCT (mô hình TCT)
01/11/2005 đến 31/03/2010	Phó phòng Tài chính Phụ trách phòng-Phòng Tài chính TCT- TCT (mô hình TCT)
01/04/2010 đến 30/06/2014	Phó phòng Tài chính Phụ trách phòng-Phòng Tài chính - Kế toán- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
01/07/2014 đến 29/02/2016	Trưởng phòng Phụ trách phòng-Phòng Tài chính - Kế toán- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
01/03/2016 đến nay	Kế toán trưởng Phụ trách ban - Ban Kế toán tài chính - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
18/06/2018 đến nay	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Thành viên HĐQT – Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Kế toán trưởng Phụ trách ban - Ban Kế toán tài chính - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	13.600 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	Số lượng cổ phiếu của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội tại Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel là 2.214.205.300 cổ phần, chiếm 98,68% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

- **Ông Phan Thanh Sang – Thành viên HĐQT**

Hộ chiếu	C0209615
Cấp ngày:	01/4/2015 tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	17/07/1979
Nơi sinh:	Hồ Chí Minh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 63 Mai Văn Ngọc, Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
01/10/2002 đến 30/06/2007	Nhân viên Phòng Tối ưu - Phòng Vận hành khai thác KV3 - TTDH
01/07/2007 đến 31/08/2007	Nhân viên Ban Tổng hợp - Phòng Kế hoạch TCT - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế
01/09/2007 đến 20/01/2008	Trưởng phòng Tối ưu vô tuyến - Ban miền Nam - Trung tâm Công nghệ Viettel
01/01/2009 đến 03/02/2009	Nhân viên Ban Core - Phòng Kỹ thuật - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế
05/02/2009 đến 22/10/2009	Phó Giám đốc - CNKT Hà Nội 1
07/01/2010 đến 19/10/2010	Phó Tổng Giám đốc - Công ty Star Telecom
20/10/2010 đến 22/4/2012	Tổng Giám đốc - Công ty Star Telecom
13/04/2012 đến 11/04/2013	Phó Giám đốc - Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
12/4/2013 đến 30/09/2014	Giám đốc Trung tâm - Trung tâm Đo lường chất lượng Viettel
01/10/2014 đến 31/05/2015	Trưởng Ban ngoài Viễn thông - Phòng Kế hoạch - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
01/06/2015 đến 31/01/2018	Giám đốc - Công ty TNHH một thành viên Thông tin M3
01/02/2018 đến 31/05/2018	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
01/06/2018 đến 31/07/2018	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel

01/08/2018 đến nay	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
18/06/2018 đến nay	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	6.700 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
<b>• Ông Hoàng Văn Ngọc - Thành viên HĐQT</b>	
Số CMND:	182533375
Cấp ngày:	16/03/2000 tại CA Nghệ An
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	05/06/1981
Nơi sinh:	Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	xã Diễn Lợi, Diễn Châu, Nghệ An
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
15/03/2005 đến 30/09/2005	Làm việc tại Công ty CP Điện máy và PT Công nghệ Miền Trung (Glimex)
01/10/2005 đến 31/12/2005	NV Kỹ thuật Ban VHKT - Phòng Vận hành khai thác

	KV2 - TTDH (mô hình TCT)
01/01/2006 đến 31/12/2006	NV Kỹ thuật Trợ lý Nghiệp vụ - Phòng Kỹ thuật - Trung tâm Truyền dẫn KV2 (mô hình TCT)
01/01/2007 đến 31/03/2008	NV Kinh doanh Phụ trách phòng - Phòng Kinh doanh - Trung tâm Truyền dẫn KV2 (mô hình TCT)
01/06/2008 đến 25/10/2009	PP Kinh doanh Phụ trách phòng - Phòng Kinh doanh - Trung tâm Truyền dẫn KV2 (mô hình TCT)
26/10/2009 đến 31/03/2010	PGĐ Kinh doanh - Chi nhánh Viettel Long An (mô hình TCT)
01/04/2010 đến 09/05/2010	PGĐ Kinh doanh - VIETTEL Long An
10/05/2010 đến 01/06/2011	PGĐ KD cố định - VIETTEL Bến Tre
02/06/2011 đến 30/06/2013	Giám đốc CNVT tỉnh/tp - VIETTEL Bến Tre
01/07/2013 đến 31/07/2013	Phó Giám đốc - Tổng Công ty Viễn thông Viettel
01/08/2013 đến 31/08/2014	Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Viễn thông Viettel
01/09/2014 đến 18/6/2018	Giám đốc công ty thị trường - Công ty Natcom, S.A
18/06/2018 đến nay	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

❖ **Ban Kiểm soát**

• **Ông Phạm Hoàng Điệp – Trưởng ban kiểm soát**

Số CMND:	045136979
Cấp ngày:	02/07/2012 tại Công an Tỉnh Lai Châu
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	11/08/1981
Nơi sinh:	Yên Bái
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	12 Phần Lãng 6 Phường An Khê, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân chuyên ngành Kế toán
Quá trình công tác:	
01/09/2006 đến 31/10/2007	Nhân viên Phòng Tài chính - CNKD Lai Châu
01/11/2007 đến 31/03/2010	Kế toán trưởng- Phòng Tài chính - Chi nhánh Viettel Lai Châu
01/04/2010 đến 03/04/2013	Trưởng phòng - Phòng Tài chính - VIETTEL Lai Châu
04/04/2013 đến 30/04/2014	Nhân viên Tài chính- Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L
01/05/2014 đến 30/04/2016	Kế toán trưởng - Phòng Tài chính - Chi nhánh ADAMAOUA - Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L
01/05/2016 đến 19/01/2018	Phó trưởng phòng - Phòng Tài chính kế toán - Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L
01/02/2018 đến nay	Nhân viên - Ban Kế toán tài chính - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
18/06/2018 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát – Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty	Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Nhân viên - Ban Kế toán tài chính - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	2.700 cổ phần, chiếm 0,0001% vốn điều lệ

Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty: Không

• **Bà Quản Thị Thu Hà – Kiểm soát viên**

Số CMND: 012600285

Cấp ngày: 09/01/2012 tại Công an Hà Nội

Giới tính: Nữ

Năm sinh: 05/05/1983

Nơi sinh: Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 23 tổ 7 cụm 1- Khương Đình- Thanh Xuân- Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán

Quá trình công tác:

06/2009 đến 03/2010 Nhân viên Tài chính - Ban Tài chính - Phòng Tài chính - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (mô hình TCT)

04/2010 đến 07/2011 Nhân viên Tài chính - Trợ lý nghiệp vụ - Phòng Tài chính - Công ty Viettel Cambodia Pte.,Ltd

08/2011 đến 03/2018 Trợ lý nghiệp vụ - Phòng Kế toán Tài chính - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel

– Nhân viên Tài chính - Bộ phận chuyên trách nước ngoài - Phòng Tài chính - Tổng công ty viễn thông Viettel

04/2018 đến 15/06/2018

15/06/2018 đến nay Thành viên Ban Kiểm soát - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel

Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Thành viên Ban Kiểm soát - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Nhân viên Tài chính - Bộ phận chuyên trách nước ngoài - Phòng Tài chính - Tổng công ty viễn thông Viettel
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

• **Ông Lê Quang Tiếp - Kiểm soát viên**

Số CMND:	172037156
Cấp ngày:	19/03/2010 tại Công an tỉnh Thanh Hóa
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	21/08/1987
Nơi sinh:	Thanh Hóa
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	P2502 – Tòa nhà CT1B – Khu đô thị Tân tây đô – Tân Lập – Đan Phượng – Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân chuyên ngành Kế toán
Quá trình công tác:	
Từ 06/2009 đến 12/2010	Trợ lý kiểm toán viên tại Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Từ 12/2010 đến 15/06/2018	Chuyên viên kiểm toán – Ban Thanh tra – Kiểm toán (trước đó là Phòng Kiểm toán Nội bộ) Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội



15/06/2018 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ hiện nay tại Công ty:	Thành viên Ban Kiểm soát - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Công ty:	Không

❖ **Ban điều hành**

• **Ông Đỗ Mạnh Hùng – Tổng Giám đốc**

Số CMND:	013475655
Cấp ngày:	01/12/2011 tại CA Tp.Hà Nội
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	18/09/1973
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Nhà A8 Đường Trần Nguyên Hãn, Tp Bắc Giang
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kỹ sư Điện tử viễn thông
Quá trình công tác:	
01/04/2000 đến 30/03/2007	TPPP - Phòng Vận hành khai thác KV1 - TTDH (mô hình TCT)
01/04/2007 đến 31/05/2007	Phó Giám đốc - Trung tâm mạng Hà Nội (mô hình TCT)
01/06/2007 đến 16/09/2007	Nhân viên phòng Vận hành khai thác - Phòng Vận

	hành khai thác - Trung tâm Điều hành Kỹ thuật - Tổng Công ty Viễn thông Viettel (mô hình TCT)
17/09/2007 đến 31/10/2008	Phó Giám đốc - Phụ trách trung tâm - Ban Giám đốc TT ĐHKT - Cty Viettel Telecom - Trung tâm Điều hành Kỹ thuật - Tổng Công ty Viễn thông Viettel (mô hình TCT)
01/11/2008 đến 31/01/2009	Phó Giám đốc trung tâm - Trung tâm điều hành kỹ thuật (mô hình TCT)
01/02/2009 đến 31/03/2010	Phó Giám đốc phụ trách hạ tầng - Tổng Công ty Viễn thông Viettel (mô hình TCT)
01/04/2010 đến 16/12/2012	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
17/12/2012 đến 08/01/2013	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Viễn thông Viettel
09/01/2013 đến 04/08/2014	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
05/08/2014 đến 04/10/2014	Phó Tổng Giám đốc Viettel Cameroon
05/10/2014 đến 21/01/2016	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
22/01/2016 đến 18/05/2017	Tổng Giám đốc Viettel Tanzania
19/05/2017 đến 09/08/2018	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
09/08/2018 đến nay	Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	11.000 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công	Không

ty:

Lợi ích có liên quan đối với Tổng Không

Công ty:

• **Ông Nguyễn Cao Lợi – Phó Tổng Giám đốc kiêm kế toán trưởng Tổng Công ty**

Số CMND: 024077000248

Cấp ngày: 20/10/2016 tại Cục ĐKQLCT và DLQG về DC

Giới tính: Nam

Năm sinh: 30/04/1977

Nơi sinh: Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: CH 2201 tòa 27 tầng – 165A Thái Hà, láng hạ, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác:

30/10/2001 đến 30/01/2008 Trợ lý nghiệp vụ - Phòng Tài chính TCT - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (mô hình TCT)

01/02/2008 đến 11/10/2008 Kế toán trưởng - Phụ trách phòng - Phòng Tài chính - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế (mô hình TCT)

12/10/2008 đến 01/11/2009 Phụ trách phòng - Phòng Tài chính - Công ty Viettel Cambodia Pte.,Ltd

02/11/2009 đến 01/07/2010 Phó Giám đốc Cty - Công ty Viettel Cambodia Pte.,Ltd

02/07/2010 đến 16/04/2012 Kế toán trưởng - Phụ trách phòng - Phòng Tài chính - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế (mô hình TCT)

17/04/2012 đến 06/08/2014 Kế toán trưởng – Trưởng phòng - Phòng Tài chính - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế (mô hình TCT)

07/8/2014 đến 30/11/2015 Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel

01/12/2015 đến 29/02/2016 Phó trưởng phòng - Phòng Tài chính - Kế toán - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội

1/3/2016 đến 22/04/2018 Phó Trưởng ban - Ban Kế toán quản trị - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội

23/04/2018 đến 11/07/2018 Nhân viên Ban Kế toán quản trị - Tập đoàn Công

	nghiệp - Viễn thông Quân đội
12/07/2018 đến 08/08/2018	Kế toán trưởng - Tổng CTCP Đầu tư Quốc tế Viettel
09/08/2018 đến nay	Kế toán trưởng - Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Kế toán trưởng - Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	5.900 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Ông Nguyễn Thanh Nam - Phó Tổng Giám đốc:</b> Sơ yếu lý lịch như trên</li><li>• <b>Ông Nguyễn Đức Quang – Phó Tổng Giám đốc</b></li></ul>	
Số CMND:	A9E580241
Cấp ngày:	14/12/2009 tại Bộ Quốc phòng
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	01/12/1968
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	91/84 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành điện tử viễn thông
Quá trình công tác:	
01/03/1995 đến 31/03/2008	Phụ trách ban Dự án đầu tư nước ngoài - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (mô hình TCT)

01/04/2008 đến 21/08/2010	Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế (mô hình TCT)
22/08/2008 đến 09/03/2012	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế (mô hình TCT)
10/03/2012 đến 09/09/2014	Trưởng phòng – Phòng Đầu tư quốc tế - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
10/09/2014 đến 30/11/2015	Tổng Giám đốc– Công ty Movitel S.A
01/12/2015 đến 31/07/2018	Tổng Giám đốc– Công ty Viettel Cameroon S.A.R.L
01/08/2018 đến nay	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ hiện nay tại Tổng Công ty:	Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Số lượng chứng khoán cá nhân sở hữu:	10.000 cổ phần, chiếm 0,0004% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số lượng chứng khoán sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Lợi ích có liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

## **2. Kế hoạch tăng cường quản trị Tổng công ty**

Viettel Global đã và đang áp dụng quy trình quản trị chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế và vận dụng linh hoạt vào thực tế với những đặc thù của hệ thống chính sách pháp luật và những đặc thù về kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam. Quản trị doanh nghiệp vững mạnh tại Viettel Global được xây dựng một cách nhất quán, hướng theo chuẩn mực quốc tế với sự tách bạch rõ ràng giữa các chức năng quản trị, kiểm soát và điều hành, dựa trên tính trách nhiệm và tính minh bạch cao của cả tập thể HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành. Viettel Global xây dựng và luôn duy trì một môi trường làm việc dân chủ, một cấu trúc quản trị doanh nghiệp tiên tiến và đảm bảo phù hợp với điều kiện hoạt động của thị trường Việt Nam. Đội ngũ nhân sự quản trị, điều hành, kiểm soát được tăng cường cả về lượng và chất, bao gồm các thành viên điều hành và thành viên độc lập của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành là những người có nhiều năm kinh nghiệm quản lý điều hành các tổ chức tài chính, tổng công ty, doanh nghiệp trong nước, nước

ngoài và những thành viên là người nước ngoài. Tổ chức vận hành của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành có hiệu quả cao cùng với sự tham gia của các thành viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm quốc tế. Các hoạt động quản trị của Công ty đảm bảo tuân theo yêu cầu của pháp luật. Điều lệ Công ty được xây dựng tuân thủ chặt chẽ theo luật doanh nghiệp và có sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo điều lệ mẫu được quy định theo thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng.

Các hoạt động kinh doanh, dịch vụ và vận hành đều được tổ chức trên cơ sở điều lệ, các khung quản lý, quy chế, quy định, quy trình và áp dụng mô hình vận hành, tương tác giữa các đơn vị chức năng gắn với các chuẩn mực tiên tiến của quốc tế. Hoạt động quản lý hệ thống không ngừng được hoàn thiện với những chính sách, quy định, quy trình rõ ràng và được áp dụng ngày càng hiệu quả hơn tại các Đơn vị kinh doanh.

Các giải pháp tăng cường quản trị Tổng Công ty năm 2018

- Tập trung điều hành quyết liệt ngay từ tháng đầu, quý đầu để tạo đà tăng trưởng cho các tháng cuối năm, phấn đấu hoàn thành mục tiêu năm 2018.
- Tổ chức kinh doanh đến từng trạm. Coi mỗi trạm là một dự án kinh doanh để tập trung bán hàng, khai thác hiệu quả hơn trên từng trạm.
- Các thị trường tập trung thực hiện chiến lược đẩy mạnh kinh doanh tại thành thị, hướng tới tập khách hàng “giàu – ARPU cao”. Đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm mới như thanh toán điện tử, giải pháp CNTT; Tập trung phát triển thuê bao data, lấy data làm lợi thế cạnh tranh thu hút thuê bao.
- Kinh doanh đặt mục tiêu hiệu quả lên hàng đầu. Lấy KPI tài chính làm trung tâm, đầu tư trên cơ sở cân đối với chi phí.
- Đẩy mạnh truyền thông hình ảnh thương hiệu của các công ty thị trường trên phương tiện truyền thông quốc tế, các trang thông tin uy tín của ngành viễn thông.
- Tổ chức giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình hoạt động giữa các thị trường trong cùng khu vực.

Tổng Công ty cam kết tuân thủ quy định về quản trị Tổng Công ty theo quy định của pháp luật bên cạnh đó tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo của các Ban Tổng giám đốc và Bộ máy tổ chức của Tổng công ty đảm bảo đúng các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Trong thời gian tới, Viettel Global sẽ tiếp tục duy trì công tác kiểm tra nội bộ kiểm soát chặt chẽ việc thực thi các công việc theo sự phân bổ nhiệm vụ hay sự phân cấp từ HĐQT, chỉ đạo chấn chỉnh kịp thời của Ban Tổng giám đốc, đặc biệt là trong công tác quản lý hoạt động của Tổng Công ty.

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trong Bản thông tin tóm tắt là đầy đủ và chính xác với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật với các thông tin này.



Hà Nội, ngày 17 tháng 09 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Lê Đăng Dũng**

TỔNG GIÁM ĐỐC

**Đỗ Mạnh Hùng**

TRƯỞNG BAN KIỂM  
SOÁT

Phạm Hoàng Diệp

KÊ TOÁN TRƯỞNG

**Nguyễn Cao Lợi**

094.  
ÔNG  
HÂN  
QUỐC  
TEL  
M - T

**BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL**



**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÍNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT  
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**



**VŨ NAM HƯƠNG**

VIỆT NAM

HA  
T

HA



BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL



ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐỒNG TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Lê Thanh Tùng*

